

Nhật Quang

XUÂN TRONG TÔI



**NHÀ XUẤT BẢN
TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

XUÂN TRONG TÔI

Tác giả: Nhật Quang



Chịu trách nhiệm xuất bản
TRẦN ĐÌNH VIỆT

Biên tập
MINH CHÂU

Sửa bản in
HOÀNG MAI

Trình bày
BAN VI TÍNH THƯỜNG CHIỂU

Thực hiện
ĐẠO HUY

Thiền viện Thường Chiếu 0913. 673 561
Email: daohuytc@yahoo.com

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
62 NGUYỄN THỊ MINH KHAI - Q 1
ĐT: 8225340 – 8296764 – 8222726 – 8296713 – 8223637
FAX: 84.8.298540 Email: nxbtphcm@bdvn.vnd.net

In 2.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm. In tại Xí Nghiệp In Số 5- Q5.TPHCM. Số XB: 1809 – 36 /XB-QLXB cấp ngày 23/12/2003. In xong và nộp lưu chiểu tháng 1/2004.

THAY LỜI TỰA

Trời đất có bốn mùa luân chuyển. Xuân sinh, hạ trưởng, thu phai, đông tàn. Tàn đông thì trở lại xuân. Cho nên thật ra mùa xuân chưa bao giờ mất, chỉ là một sự thay đổi sắc nước mây trời mà thôi.

Con người cũng có những mùa riêng, sinh lão bệnh tử vận hành theo dòng nhân duyên lưu chuyển tương tục. Hết sanh lại diệt, hết diệt lại sanh. Vì thế không có gì mất đi cũng không có gì còn mãi. Đời người chỉ là một hạt bụi trong cõi hằng sa thì có nghĩa lý gì đâu? Nếu biết sống trong mỗi phút giây hiện hữu của đời mình bằng trái tim chung nhịp đập với tha nhân, thì mùa xuân là bất tận đối với thiên nhiên và nguồn tâm là bất diệt đối với dòng sinh diệt huyền mộng.

Đã là nhân duyên thì trùng trùng duyên khởi, mà cũng có thể trùng trùng hoàn diệt. Tùy ta thôi. Song dù hoa đóm có loạn khởi loạn diệt trong hư không bao nhiêu đi chăng nữa thì hoa đóm vẫn cứ là hoa đóm, có trôi dạt đến đâu chăng nữa thì cũng không ra khỏi bầu trời tự tánh.

Ý nghĩa mùa xuân trong tôi, trong bạn, trong chúng ta chính là mạch nguồn tuôn trào một sức sống vô tận. Cho nên đừng bao giờ ngại ngần nói với cuộc đời hay với chính mình rằng tuổi thanh xuân của chúng ta đã héo tàn. Không! Mãi mãi chúng ta vẫn xanh tươi, vẫn thơm hương với cái lung linh tuyệt sắc tuyệt màu tự muôn đời.

Trên ý nghĩa đó, tại sao chúng ta không thể yêu thương nhau mà sống, đến với nhau bằng trái tim vô nhiễm vô ưu. Quên hết đi những thu úa đông tàn ở trong lòng để hương xuân mãi mãi vẫn thanh tân. Xuân hồng hay thu vàng cuối cùng cũng chỉ là một màu tịch liêu trong vô biên không lặng mà thôi.

Xuân đã là xuân giữa đất trời
Chan mình hòa cuộc khắp nơi nơi
Có nghe một thoáng tim xuân gọi
Đầy ngát trời xuân, xuân rạng ngời.

**Thường Chiếu, mùa xuân Giáp Thân
NHẬT QUANG**



XUÂN THIÊN

Với người tu thiền, mùa Xuân là tâm Xuân. Tâm Xuân thì miên viễn, sáng tỏ, thông suốt vô ngại. Người sống với tâm xuân thì các giác quan luôn rõ ràng, bén nhạy, tinh nhuệ, không đóng cứng ở bất cứ một giác quan nào. Ngồi thiền mà lấy bông gòn nhét lỗ tai lại thì không đúng với thiền tông. Phải ngay nơi các căn mà sống, mà nhận được việc của mình. Ngược lại ngay đó không nhận, cứ lảng xãng ngược xuôi theo những hình bóng bên ngoài thì ngàn đời không vào cửa được.

Thiền là gì? Là một cuộc sống bình thường tỉnh thức. Vì vậy các thiền sư nói ăn cơm, mặc áo, đi nghỉ là thiền. Cho nên nói đến thiền tức là nói đến cái tự mình, nói cái ngay nơi đây, rất gần gũi với chúng ta, chứ không phải thứ gì xa xôi ở bên ngoài hết. Nhiều vị cho rằng người tu thiền phải là người thông minh, có hiểu biết ghê gớm lắm, nghe một hiểu mười, hỏi mười đáp trăm v.v... Quan niệm như vậy chưa đúng. Bởi vì có nhiều vị tăng rất thông minh, nhưng khi bị Thiền sư gạn lại thì không có lối thoát.

Như ngài Hương Nghiêm là đệ tử của tổ Bá Trượng, có kiến thức và đạo hạnh sâu dày, rất được người trong tông lâm quý trọng. Sau khi tổ Bá Trượng quy tịch, tổ Qui Sơn là vị đệ tử lớn, đang chủ trì ở núi Qui giáo hóa đồ chúng rất đông, là vị nối tiếp tông phong của tổ Bá Trượng. Do đó ngài Hương Nghiêm đến với tổ Qui Sơn. Trong tình thì là huynh đệ, nhưng bây giờ ngài Qui Sơn trở thành bậc thầy. Cho nên ngài Hương Nghiêm giữ lễ với tổ Qui Sơn giống như thầy trò.

Một hôm tổ Qui Sơn hỏi thế này: “Ta nghe người ở chỗ tiên sư là người rất thông minh, hỏi một đáp mười, hỏi mười đáp trăm. Bây giờ ta hỏi người một câu”. Ngài Hương Nghiêm chờ đợi lắng nghe câu hỏi. Ngài Qui Sơn hỏi: “Người thử nói cho ta nghe một câu trước khi cha mẹ sanh là gì?”. Ngay đó ngài Hương Nghiêm bí, không nói được nên xin phép tổ Qui Sơn lui ra. Về phòng, Ngài tìm hết trong sách vở ngữ lục từ xưa tới giờ đã học nhưng vẫn không có câu trả lời. Cuối cùng dẹp quách hết văn tự chữ nghĩa, Ngài nói: “Thôi bây giờ ta đành làm một vị tăng cơm cháo qua ngày vậy”, tức là làm vị tăng bình thường, không muốn học thiền học đạo gì nữa hết. Quyết định như vậy rồi, Ngài y áo lên đánh lễ tổ Qui Sơn và trước khi từ giã ra đi, một lần nữa Ngài thưa với tổ Qui Sơn:

- Xin Hòa thượng từ bi vì con mà nói phá.

Tổ Qui Sơn bảo:

- Ta nói cho người nghe thì được rồi, nhưng sau này người sẽ chửi ta.

Cuối cùng ngài Qui Sơn cũng không nói. Ngài Hương Nghiêm đành trở lui về chỗ cũ của quốc sư Huệ Trung trên núi Bạch Nhai, cắt cái chòi lá, sống một mình trên đó, không mong cầu gì nữa. Một hôm nhân cuộc đất dọn dẹp chung quanh, Ngài cuốc nhằm hòn sỏi khiến nó văng trúng bụi tre phát ra một tiếng “tróc”, ngay đó Ngài liền ngộ. Ngộ gì thì sau này mỗi chúng ta có công phu tu hành tự sẽ biết, chớ chỗ này không ai nói với ai được hết.

Ở đây tôi muốn nói văn tự chữ nghĩa khôn khéo, thuyết hay giảng giỏi... những việc này chưa đáng gì tới thiên cả. Phải quay lại nhận cái của mình, phản quan tự kỷ mới là điều quan trọng. Cho nên các giác quan của người tu Phật hay tu thiền phải luôn sáng suốt, không bị bít lấp, lẫn lộn gì hết. Nghĩa là con mắt nhìn sáng tỏ, lỗ tai nghe rõ ràng. Mọi âm thanh như tiếng trống, tiếng kèn, tiếng người, tiếng chim, tiếng xe... tất cả tiếng động bên ngoài đều nghe rõ ràng, không lẫn lộn. Sáu căn đều thế, không phần nào lầm lẫn cả. Công phu như vậy nhất định chúng ta sẽ vào cửa, sáng được việc của mình.

Khi ngộ đạo rồi, ngài Hương Nghiêm có làm ba bài kệ về ba cái Chiếu. Thứ nhất là Bản lai chiếu tức là chiếu xưa nay. Thứ hai là Tịch chiếu, tức chiếu mà lặng. Thứ ba là Thường chiếu tức chiếu mãi. Chúng tôi sẽ tuần tự nói từng bài một.

Bản lai chiếu

Nghĩ tâm khai khẩu cách sơn hà,
Tịch mặc vô ngôn dã bị ha.
Thư triển vô cùng hựu vô tận,
Quyện lai tuyệt đích dĩ thành đa.

Tạm dịch:

Chiếu xưa nay

Nghĩ vừa mở miệng cách sơn hà,
Nín lặng không lời cũng bị la.
Tung ném thôi thì vô cùng tận,
Thu về tuyệt dấu cũng hà sa.

Như tôi đã nói, người sống được với cái chân thật của mình rồi thì có vô số diệu dụng hay thần dụng. Từ chỗ chúng ta không quên tính giác, không mê theo ngoại cảnh bên ngoài và vọng tưởng bên trong, mà có thần dụng. Nếu chúng ta muốn có thần dụng trong đời sống sinh hoạt bình thường, thì điều kiện không thể thiếu là chúng ta đừng mê, đừng chạy theo cảnh.

Câu đầu Nghĩ vừa mở miệng cách sơn hà, nghĩa là người vừa dùng miệng để nói, để diễn tả về con người chân thật thì đã cách xa ngàn trùng. Bởi vì cái đó không thể diễn tả bằng ngôn ngữ, không thể dùng mắt cha mẹ sanh mà thấy được, chỉ có cách tỉnh táo mới nhận được thôi. Phật tử ngồi thiền, tụng kinh, làm tất cả việc công đức với tâm tinh giác, đừng dong ruồi ngược xuôi, đừng vọng động đảo điên thì tất cả những việc làm ấy đều là Phật sự, đều chân thật. Cho nên người có tỉnh là có lực dụng, có diệu dụng. Mà người có diệu dụng là có thể nấu cát thành cơm, rõ ràng như vậy. Nếu không có lực dụng, chúng ta tu đời nào thành Phật? Cho nên ngài Hương Nghiêm bảo chỗ này không thể dùng miệng hay ngôn từ mà nói được.

Nín lặng không lời cũng bị la. Nói không được mà bây giờ nín cũng không được nữa, vậy phải làm sao đây? Đó là lý do các vị Thiền sư thường dùng những thủ thuật lạ đời để tạm chỉ cho chúng ta nhận lại cái chân thật không thể thốt nên lời ấy. Bởi vì nói và nín là hai, là đối đãi. Đã là đối đãi tức thuộc pháp sanh diệt,

nếu pháp sanh diệt thì không phải là cái chân thật. Cho nên Thiền sư không chấp nhận nói, cũng không chấp nhận nín.

Tung ném thôi thì vô cùng tận, thu về tuyệt dấu cũng hà sa. Nghĩa là đối với người đã tỉnh táo sáng suốt, không bị vọng động kéo lôi, làm chủ mình rồi thì nói cũng được, nín cũng được, tung ném mặc tình, cần thì tung ra, không cần thì thu về. Tất cả mọi hành động, mọi việc làm đều đúng, đều là thân dụng hết.

Qua bài kệ Chiếu xưa nay, chúng ta thấy cốt tủy của việc tu hành là phải tỉnh, đừng mê, làm chủ được mình, chứ không có gì khác. Nói thân dụng, nói nắm lại tung ra, nói giấu kín, nói hằng sa, nói vô vàn những ngôn từ như thế, cuối cùng cũng chỉ là tỉnh, đừng mê. Bây giờ quý vị ngồi đây cũng tỉnh, lát nữa đi về cũng tỉnh, lúc nào cũng tỉnh thì được rồi. Tỉnh để làm gì? Tỉnh để đừng mê. Tại sao chúng ta sợ mê? Vì mê thì bị nghiệp dẫn đi trong đường khổ, ngược xuôi trong sanh tử. Rõ ràng như vậy thôi.

Kể đến là bài:

Tịch chiếu.

Bất động như sơn vạn sự hư,
Trùng đàm triệt để vị tăng lưu.
Cá trung chánh niệm thường tương tục,
Nguyệt kiều thiên tâm vân vụ thu.

Tạm dịch:

Chiếu vắng lặng

Sùng sùng như non muôn việc thôi,
Đầm lặng nước yên chứa dậy mòi.
Niệm mà không niệm thường chẳng dứt,
Trăng tỏ ngàn tâm mây ráng trôi.

Bài này rất hay! Sùng sùng như non muôn việc thôi, nghĩa là những giả cảnh giả tướng bên ngoài không làm gì được người đã làm chủ tâm mình, vững chắc như núi. Thành ra người giác ngộ lúc nào cũng sùng sùng như non muôn việc thôi, không bị lay động bởi bất cứ hiện tượng nào.

Đầm lặng nước yên chứa dậy mòi. Giống như đầm lặng trong, yên lặng không có sóng mòi gì hết, nhưng hiện bày tỏ rõ tất cả mọi thứ phản chiếu vào nó. Niệm mà không niệm thường chẳng dứt, trăng tỏ ngàn tâm mây ráng trôi. Như trong kinh Viên Giác, Phật dạy giáo pháp của Như Lai như ngón tay chỉ mặt trăng, người trí nhân ngón tay chỉ mà thấy được mặt trăng thật. Người không trí thì nhận lầm ngón tay là mặt trăng. Ở đây nói niệm mà không niệm tức tu mà không tu, giác mà không giác chi hết, chỉ thăm thăm sống lại, nhận lại cái chân thật ngay nơi mình. Nên ngôn ngữ là phương tiện giúp hành giả tự chứng nghiệm chỗ chân thật. Nhận được rồi thì giống như mặt trăng tỏ rạng, không bị một áng mây mù nào che phủ hết. Mặt trăng của mình không mất, lúc nào cũng tỏ rạng thì còn gì đẹp bằng!

Tới chiếu thứ ba là:

Thường chiếu.

Tứ oai nghi nội bất tăng khuy,

Kim cổ sơ vô gián đoạn thù?
Địa ngục thiên đường vô biến dị,
Xuân hồi dương liễu lục như ty.

Tạm dịch:

Chiếu mãi

Trong bốn oai nghi thiếu chỗ nào,
Mật mật thâm thâm gián đoạn sao?
Thiên đường địa ngục cùng không khác,
Liễu biếc xuân sang gió rạt rào.

Người bất động rồi thì trong bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi, lúc nào cũng thâm thâm lặng lặng, hiện hữu không vắng thiếu. Không vắng thiếu cái gì? Không vắng thiếu ông Phật trong nhà. Người này đối với thiên đường địa ngục không thích, không ngán, không thấy khác. Nghĩa là không bị động, không can dự gì đến mọi thứ bên ngoài. Chừng ấy đối với họ nơi đâu cũng là Liễu biếc xuân sang gió rạt rào. Khung trời mùa xuân thì hoa lá xinh tươi, gió xuân rạt rạt. Thật không còn gì vui thú bằng!

Đó là ba cái chiếu của ngài Hương Nghiêm.

Thường chúng ta sống như người sợ bóng của mình, nhưng lại cứ ngược xuôi chạy ngoài nắng, để trốn cái bóng của mình. Việc tu cũng vậy, ta nghe nói bất động rồi cứ mở miệng tụng bất động, gặp ai cũng hô hào “bất động”, mà trong tâm thật tình không có phút giây nào bất động. Muốn bất động thì phải dẹp hết những loạn động, để tâm lắng yên, không vọng tưởng điên đảo nữa. Phải từng bước thực tập tu hành đàng hoàng, chớ không thể nói suông trên đầu môi. Người chỉ biết nói suông khác nào kẻ chạy ra nắng trốn bóng của mình. Vì vậy tu bao lâu cũng không hết khổ, không hết đảo điên.

Muốn đừng bị cái bóng của mình rượt thì chỉ ngồi trong nhà mát là xong ngay. Chúng ta sợ sanh tử khổ đau mà cứ cắm đầu gây tạo những nghiệp nhân đi trong sanh tử khổ đau thì bao giờ mới hết khổ. Rõ ràng chúng sanh đã bị luân hồi sanh tử nhiều đời, khổ sở điều đứng nên lúc nào cũng dễ khóc lóc, sợ sệt. Vậy mà chúng ta cứ gây bừa những nghiệp nhân không tốt để rồi bị cái khổ vây khốn mãi. Bây giờ chỉ dừng tâm ý tạo nghiệp lại, đừng tạo nghiệp xấu nữa, lóng lặng tâm cho trong sạch thì đâu có nghiệp nào dẫn đi nữa. Như vậy có phải nhẹ nhàng an vui không? Chỉ có dừng lại là yên thôi, mà ta không chịu dừng thì làm sao yên được!

Cổ nhân nói: Thân với người quân tử thì kẻ tiểu nhân tự sợ, mà gần tiểu nhân thì người quân tử tự xa. Nghĩa là mình gần gũi với người quân tử thì kẻ tiểu nhân sợ mình. Còn gần kẻ tiểu nhân thì người quân tử tự lánh xa mình. Biết vậy, nhưng có mấy ai sống được như thế. Bởi con người thường thích kẻ khác vượt ve đua nịnh, mà không ưa những ai thẳng thắn xây dựng mình. Nghe bùi bùi lỗ tai là nói người đó thương mình rồi, cho nên hôm nào đó mở cửa để người ta vào lấy hết đồ đạc, tài sản. Đó là gì? Đó là chạy theo thịnh sắc... để cuối cùng giặc ngũ trần lục dục vào cướp hết tài sản nhà mình. Cho nên thường ngày chúng ta phải thực

hành công phu liên tục, tinh liên tục, mới có thể chiến thắng được nội ma ngoại ma, chứ không phải dễ dàng đâu.

Cho nên người sống được với cái lạng lẽ, cái bất sanh bất diệt rồi thì không dính dáng gì tới những hiện tượng bên ngoài. Chúng ta biết mình có cái đó, bây giờ làm sao sống được với nó, bớt những thứ lạng xăng tạo nghiệp, đó là tu. Việc làm này nhỏ xíu thôi, nhưng phải là người có tâm tu chí cốt mới làm nổi. Cho nên tu thiên dễ mà khó, không phải chuyện đơn giản. Nó đòi hỏi chúng ta phải có ý chí, làm hoài, làm hoài, chừng nào được mới thôi. Ví dụ chúng ta đang tu thiên theo sự hướng dẫn của Hòa thượng Trúc Lâm, bây giờ có ai đến nói “Tôi chỉ cho anh hay chị pháp này, tu trong vòng một tháng thôi sẽ thành Phật ngay”. Quý vị sẽ trả lời với người đó thế nào? Nếu là người giữ vững lập trường, sẽ nói “Xin cảm ơn! Tôi có việc của tôi, tôi làm theo việc của tôi”. Người gan như thế, kiên cường như thế nhất định sẽ thành công.

Sở dĩ chúng ta ngược xuôi hoài là vì hay đổi thay. Bữa nay tu thiên, ngày mai tu mật. Cứ lạng xăng vào cửa này ra cửa kia như thế thì biết bao giờ mới đến đích được. Chúng tôi thường nói, trong đạo Phật có rất nhiều pháp môn, quý vị tu pháp nào cũng tốt, miễn tu đúng và kiên định với pháp tu ấy là được. Chứ ngược xuôi hoài thì khó có thể thành tựu được đạo nghiệp. Người thế gian thường nói “Nhất nghệ tinh nhất thân vinh”, nghĩa là chỉ cần tinh chuyên một nghề thôi tự khắc ta sẽ được vinh hiển. Chúng ta không tinh một nghề nào hết thì làm sao vinh hiển được? Nay đi bán, mai làm thầy, không có việc nào chắc thực hết thì không bao giờ thành đạt.

Người tu thiên phải là người gan dạ, không vì hoàn cảnh mà đổi thay hay thoái tâm Bồ-đề. Được như thế nhất định chúng ta sẽ thành công. Có mấy điều khiến chúng ta dễ thoái thất, tôi xin nêu lên đây cho tất cả quý vị cùng tham khảo.

Thứ nhất là không có thiện hữu tri thức, tức chúng ta tu mà không được sự hướng dẫn chân chánh, không có những bạn đồng tu, không gặp duyên tốt hỗ trợ khi ta đang tu. Trong những trường hợp này, chúng ta thường hay đổ thừa, nói tôi cũng muốn tu lắm chứ, nhưng vì vướng cái này nó bận cái nọ... thôi thì hẹn mai mốt. Ở đây tôi tạm gọi chung là thiếu thiện hữu tri thức. Thiện hữu tức là người bạn tốt, tri thức tức là người biết mình, những bậc thầy hướng dẫn cho mình. Nếu thiếu điều này thì trên con đường tu hành, chúng ta khó phát huy tánh Bồ-đề, việc tu hành thường xuyên đình trệ.

Thứ hai là sự hiểu biết sai lầm. Dù chúng ta có thầy tốt bạn tốt, mà kiến thức của mình không đúng, nhất là cách áp dụng pháp, phương thức tu hành sai lệch, sẽ dẫn đến kết quả không đúng. Ví dụ như mục đích cuối cùng Phật dạy chúng ta là tu để thành Phật, để giác ngộ giải thoát. Nhưng bây giờ chúng ta hiểu sai, muốn tu để thành tiên bay lên trời, thụ hưởng ngũ dục tùy thích. Do hiểu sai nên dù cố công tu cách mấy, cuối cùng kết quả cũng không được rốt ráo viên mãn như Phật muốn dạy chúng ta. Đức Phật thường dạy chúng ta phải hiểu Phật rồi mới đến với Phật. Phật tử theo đạo Phật thì phải hiểu pháp môn tu, nắm cho thật vững đường lối tu mới không bị lay chuyển bởi những sự hướng dẫn khác.

Thứ ba là tinh tấn liên tục. Nếu chúng ta không siêng năng liên tục thì công phu chẳng đi tới đâu hết. Làm việc gì mà một nắng mười mưa thì chẳng ra làm sao cả. Bữa nay thức tới khuya ngồi thiền tụng kinh, nhưng ngày mai đã đóng cửa ngủ từ chiều rồi. Tu như vậy mà muốn được thành Phật thành tổ thì khó quá. Chúng tôi lưu ý Phật tử là siêng năng tu mà siêng năng liên tục, chứ không phải một ngày một bữa, kiêu bước tới ba bước lại lùi hai bước thì chẳng tới đâu hết. Cho nên tinh tấn là một điều kiện tiên quyết cho việc tu tập của chúng ta đi tới thành công.

Điểm cuối cùng là chúng ta phải điều phục được những vọng động trong tâm. Nói gì thì nói, những dấy niệm lăng xăng, những vọng động không ngừng, chúng ta phải điều phục được nó. Nói điều phục là sao? Là điều hòa và khắc phục nó. Nói thế không có nghĩa là chúng ta hủy diệt tư tưởng, không dám suy nghĩ gì cả. Điều quan trọng là ta phải biết làm chủ tư tưởng, trong một phạm vi nào đó ta có thể suy nghĩ để hoàn thành công việc cần thiết, nhưng xong việc là ngưng ngay, không để suy nghĩ lãng vãng trong tâm mãi. Như vậy gọi là từng bước khắc phục được vọng tưởng. Không phải nói thân này giả rồi bỏ cho nó chết, nó chết đi thì lấy gì mà tu! Chúng ta biết thân giả nhưng khéo lợi dụng nó, tạo điều kiện để thân tâm điều hòa, có sức khỏe tốt mới nỗ lực tu liên tục cho đến thành công được. Từ cái thân giả này chúng ta tu để được cái thân thanh tịnh chân thật.

Đó là bốn điểm quan trọng, chúng ta cần phải lưu tâm mới có thể kiện toàn công phu tới nơi tới chốn. Nên nhớ sau khi hiểu Phật pháp rồi nhất định phải có công phu, cuối cùng mới khai mở tâm sáng suốt giác ngộ, điều phục được tất cả những lăng xăng của mình. Giác ngộ giải thoát là gì? Tức là không làm không mê những vọng tưởng lăng xăng nữa. Nói giải thoát tức là không bị hệ lụy buộc ràng bởi bất cứ thứ gì cả.

Chúng ta học Phật đều biết rõ, ngay trong đời sống này, lúc còn sinh tiền tinh tảo đây, mình có thể thực hiện được những điều như đã nói. Tu thiền thì kỵ nói đạt nói chứng, nhưng quả thực nếu chúng ta tu đúng thì không nói giải thoát tự nhiên cũng là người giải thoát rồi. Không làm mê theo cảnh, không ngược xuôi lăng xăng là sống với đạo, là người bất động. Việc tu không giao hẹn tới chừng nào, mà ngay đây chúng ta có thể thực hiện liền.

Phật dạy mạng sống trong hơi thở, muôn pháp đều vô thường, chúng ta không tu ngay trong mỗi niệm hiện tiền thì đợi đến chừng nào? Cho nên người học Phật, tu Phật phải áp dụng Phật pháp vào đời sống của mình ngay bây giờ. Có thể mới không sợ quý dữ vô thường đến bất cứ lúc nào, không sợ bị chìm nổi trong cõi thế gian như mộng huyễn. Lúc nào chúng ta sáng suốt tinh tảo là giải thoát được lúc đó.

Thượng tọa Tiểu Tĩnh nói về lý huyễn qua một bài kệ rất hay:

Huyễn nhân hưng huyễn huyễn luân vi,
Huyễn nghiệp năng chiêu huyễn sở tri.
Bất liễu huyễn sanh chư huyễn khổ,
Giác tri như huyễn huyễn vô vi.

Tạm dịch:

Người huyễn nghiệp huyễn huyễn xoay vần,

Nghiệp huyễn hay vùi quả lụy thân.
Mê lý huyễn sanh nhiều huyễn khổ,
Ngộ ra như huyễn huyễn thành chân.

Phật dạy ba cõi duyên sinh như huyễn, không thiết nên hợp tan là lẽ thường. Người huyễn nghiệp huyễn huyễn xoay vần. Nếu chúng ta nhận ra được mọi sinh hoạt trong đời thường như huyễn thì sẽ hiểu rõ câu này. Người huyễn, nghiệp cũng huyễn, cái huyễn ấy xoay vần mãi. Nghiệp huyễn *hay vùi quả lụy thân, tuy nhiên như thế, nói là huyễn nhưng quả thật nó* đang làm khổ mình đây. Những khổ lụy, vướng mắc đeo đuổi chúng sanh, không ai vượt thoát nổi, nên mới nhăn nhó than khổ đó. Thành thử nghe nói pháp huyễn trên văn tự thôi, chứ chưa có công phu thì chưa thấu triệt được các pháp duyên sanh như huyễn đâu.

Chúng ta chưa phải là người thấy được tất cả những hiện tượng đó “luân vi”, tức là xoay vần như thế nào cả. Phật bảo chúng sanh chìm nổi trong lục đạo luân hồi giống như vòng tròn xoay. Cứ xoay lên xoay xuống hoài, không có gì cố định, không ngừng lại một chỗ nào cả. Tuy nó huyễn nhưng người không thấu đạt, không vượt ra khỏi vòng tròn huyễn này thì khổ sở triền miên, không biết bao giờ mới chấm dứt.

Mê lý huyễn sanh nhiều huyễn khổ. Chữ “Mê” có nghĩa là quên, chúng ta bỏ quên hoặc mờ mịt cái chân thật của mình. Vì thế ta lượm đờ những cái không thật, không phải của mình mà xài. Đã nắm trong tay rồi thì ngỡ là của mình, bởi vậy nên khổ. Như Phật nói cái nhà này không thật, nó là giả hợp, nhưng chúng ta cứ cho nó thật nên cố công gầy dựng, rồi chấp giữ. Ta đâu biết rằng cho dù nó chắc chắn cỡ nào rồi cũng sẽ đổi thay, sẽ hoại diệt vì bản chất nó là pháp hữu vi vô thường. Khi thấy nó đổi thay hoại diệt thì mình khổ vì sợ mất.

Thân này cũng vậy. Nói thân như huyễn không thật, do tứ đại giả hợp v.v... nhưng mình vẫn thâm nhận nó là thật. Bởi vậy nên thân lỡ mất, lỡ hư bệnh hoặc nó thiếu cái gì thì mình khổ. Giả dụ như chúng ta đang yên ổn thế này, nhưng bất chợt có một tai nạn xảy đến, bác sĩ bảo phải tháo bớt cái chân hay cái tay thì ta khổ dữ lắm. Điều này tôi đã chứng kiến. Một lần lúc tôi còn nhỏ, được cùng các huynh đệ lớn đi thăm một nữ Phật tử bị tai nạn. Khi gặp quý thầy, cô khóc thôi là khóc, vì bác sĩ cho hay chân của cô bị tháo khớp tới trên đầu gối, nghĩa là cô chỉ còn có một chân rưỡi thôi. Chúng tôi chứng kiến nỗi khổ của vị Phật tử ấy rõ lắm. Quý thầy đến thăm, thấy sự khổ đàn trải trước mắt nhưng không giúp gì được cho cô hết. Quả là nghiệp của ai người đó phải tự chịu mang, tự chuyển hóa vậy thôi.

Chúng sanh vì cứ nhận thân này, tâm này là của mình nên gỡ bỏ phần nào cũng khổ. Nếu lúc đó có một vị Thiên sư nào đến khai đạo bảo thân của con là thân bất sanh bất diệt, nó không có tay chân mắt mày gì hết, vô hình vô tướng, có lẽ cô này sẽ bớt khổ đôi chút. Thường trong những lúc khổ đau tận cùng, người ta có thể chợt nhận ra đạo lý cao cả siêu việt, từ đó sẽ hết khổ. Đáng tiếc lần đó chúng tôi còn quá nhỏ nên bất lực trước nỗi khổ của một vị Phật tử, không giúp gì được cho cô.

Qua bài kệ của Thượng tọa Tiểu Tĩnh, chúng ta bình tĩnh nhận lại cái gì thật, cái gì giả để đừng bị pháp huyễn xoay vần nữa. Dù thân giả hợp này có gì đi

nữa thì cái bất sanh bất diệt hằng hữu nơi mình đâu có mất mát bao giờ. Song khổ nỗi chúng ta ít khi nào nhận như vậy. Do đó Thiền sư nhắc nhở chúng ta, từ huyền pháp sinh ra pháp huyền xoay vần tạo ra không biết bao nhiêu khổ lụy. Sở dĩ có những hiện tượng như vậy là do mình mê. Bây giờ muốn hết khổ, hết bị cuốn trôi trong pháp huyền thì ta gắng đừng mê nữa. Nghĩa là phải có trí tuệ để thấy rõ được cái nào thật cái nào giả. Nếu người thấy được cái thật rồi thì cái giả chẳng làm gì được họ hết.

Giống như người đang có số tài sản khoảng vài chục triệu, họ tự cho mình cũng khá giả rồi. Song nếu hôm nào họ phát hiện ra trong nhà có một khối ngọc hằng trăm ngàn tỉ được cất giấu dưới lòng đất, họ đào lên và toàn quyền sử dụng khối ngọc ấy. Chừng đó con số vài chục triệu trước kia có nghĩa lý gì đâu? Hoặc đem cúng dường Tam bảo hoặc cứu giúp đồng bào bị lũ lụt hết số tiền ấy cũng chẳng thấm tháp gì so với tài sản vô giá họ hiện có. Do vậy người ấy không mang tâm lo lắng, sợ sệt, khổ sở vì trong tay của mình có cả bạc tỉ bạc ức.

Cho nên câu chót ngài Tiểu Tinh dạy: Ngộ ra như huyền huyền thành *chân*. *Nghĩa là người ngộ rồi thì sống tự tại, sống với tất cả huyền pháp* giả tạm không thật trên thế gian, mà tâm vẫn an lạc bình thường, không bị hề hấn, bị lay chuyển bởi những hiện tượng đổi thay nào. Đó là con người bất động.

Qua bài kệ này, chúng ta nhận ra cách tu chủ yếu là phải đừng mê. Chữ “mê” ngoài ý nghĩa thông thường là mờ mịt tăm tối, nó còn có nghĩa là quên nữa. Nói mê tính giác tức là bỏ quên tính giác của mình. Sở dĩ ta bỏ quên là do mờ mịt, không nhận ra. Bây giờ chúng ta tu như thế nào miễn đừng mê là được. Đừng nhận cái giả cho là thật, cái giả biết là giả, cái thật biết là thật. Nhận và sống với cái thật của mình thì tức thời hết khổ, dễ như trở bàn tay thôi.

Vì vậy ở đây ngài Tiểu Tinh nói ngộ ra rồi thì cái huyền thành chân. Ngộ ra rồi thì an lạc bình thường, huyền và không huyền không còn là vấn đề nữa. Như trong tay ta có những viên kim cương giá trị vô lượng, thì năm ba ngàn đồng không có gì quan trọng cả. Sở dĩ chúng sanh khổ là vì lo sợ bị mất mát, bị thiếu thốn. Bây giờ biết rõ mình không mất mát, không thiếu thốn thứ chi hết thì còn khổ cái gì nữa? Hôm nào quý vị thử ngồi thiền được những phút giây an ổn, thử xem cái khổ làm sao vô cửa nhà mình được. Có người khóa kín cửa mà khổ nó chui vô hồi nào không hay là vì tâm trạng cứ luôn sợ sệt, toan tính, thấy mình mất mát thế nọ thế kia. Rồi vì thế mà mất mình, quên đi tính giác cho nên cái khổ hiện tiền. Cho nên muốn hết khổ, không gì hơn là tỉnh giác, nhận lại cái chân thật ngay nơi mình, đừng mê lầm theo huyền cảnh bên ngoài nữa.

Mùa xuân chỉ đến khi trong tâm chúng ta vắng bật mọi thứ ưu phiền sâu não. Nếu cứ ôm ấp những nghiệp nhân đảo điên trong tâm thì cho dù ta đang đứng giữa ngàn hoa muôn sắc, gió xuân phát phới, ta vẫn cảm thấy nhiệt não luôn thiêu đốt tâm can. Mùa xuân như vậy không còn là mùa xuân nữa, mà đó là bầu trời âm đạm tăm tối bởi những đám mây vô minh che phủ. Chúng tôi hy vọng tất cả quý vị hãy đón nhận mùa xuân miên viễn ngay trong tâm mình, với ánh sáng tràn đầy của trí tuệ giác ngộ giải thoát.



GIỮ MÌNH ĐỂ TU

Thời gian gần đây, chúng tôi có những cảm nhận trong công phu tu hành thế này. Có những điều tuy thấy rất đơn thuần, nhưng khi vào việc lại không đơn thuần tí nào hết, và rồi cuối cùng chúng ta sanh phiền não. Thế nên chúng tôi muốn nói với tất cả huynh đệ về việc Giữ mình để tu.

Đa số những sự kiện chung quanh chúng ta là những vấn đề bình thường như đất. Nhưng không hiểu sao trong sinh hoạt, đụng tới nó là mình vướng, sanh ra va chạm phiền não. Điều này phát sinh là từ công phu của chúng ta còn yếu, không vững, nên ta chưa thể mạnh dạn vượt qua. Nếu còn chút đạo lực, khắc phục vượt qua thì ta có thể lấy lại đà tiến, còn như sức khắc phục quá suy kém, phiền não tồn đọng lâu dần sẽ thành u mê, khiến thân tâm chúng ta băng hoại, khó có thể tăng tiến công phu được.

Quý vị có bao giờ tự hỏi “không biết chừng nào mình hết phiền não, làm sao trị được phiền não, hóa giải được phiền não?” Đôi khi chúng tôi tự hỏi mình như vậy. Cho nên nói đến tu, nói đến hạ thủ công phu, nói đến giữ mình để tu, quả thực nó là một vấn đề sống. Từ đó chúng ta cũng có thể hiểu thiền là một sức sống. Người đủ lực thì hay hóa giải mọi thứ bất an bất ổn chung quanh mình.

Ở đây nói giữ mình để tu, thì trước nhất là làm sao giữ được những va chạm, những góc cạnh khiến chúng ta dễ sanh phiền não. Mọi người thường nói liền miệng: Tôi làm như thế có phiền anh, chị không? Đa số ai cũng cảnh giác như vậy, nhưng rồi ta cứ luôn bị phiền não. Do đó sinh hoạt trong cuộc sống hằng ngày không tươi tắn, mà nó vàng héo, tiêu tụy, yếu kém, như những người bị bệnh thần kinh vậy. Cho nên tu là giữ mình đừng bị phiền não, đừng bị u mê làm khổ sở. U mê là gì? Chữ “Mê” là không sáng, là quên đi, là lầm lẫn; chữ “U” là tăm tối. Hai thứ không sáng và tăm tối dồn lại như thế, coi như chúng ta bị bít rịt, không còn một lối thoát nào nữa. Có lúc nào đó quý vị ngồi lại sẽ thấy, ta như bị nhốt trong một cái khung thật tăm tối, muốn vượt ra nhưng vượt không nổi.

Phật tử nói ta có tính giác, có thể thoát ly sanh tử, có thể làm chủ được tất cả. Nhưng rồi nhìn lại ta bị thân này, tâm này, cảnh này, tình thương, sự nghiệp... bu bám cả đời, không lối thoát. Cả ngày mình rồi nùi trong mớ bòng bong, nào ăn nào nghỉ, tiếp khách, nói chuyện, công kia việc nọ... đầy cộm những thứ bóp nghẹt hơi thở cuộc sống của chúng ta. Ngồi thiền một ngày hai lần, một lần một tiếng rưỡi hoặc hai tiếng đồng hồ, vẫn chưa đủ sức để trị liệu phiền não, để mở toang cánh cửa u mê, hất tung những thứ đó ra ngoài. Đôi khi ngồi vừa yên lặng, thì thân này mệt mỏi, chúng ta lại ngừng nghỉ, thoái lui. Do vậy nên giữa mình với phiền não cứ thù tạc qua lại nhau hoài. Có khi tranh đấu quyết liệt, một mất một còn, nhưng cũng có khi hòa vui trở lại. Thế nên cuối cùng phiền não vẫn còn nguyên đó, chứ không mất chút nào hết. Nếu phiền não mất thì chúng ta đã thành Phật rồi, bởi còn nên mình làm chúng sanh hoài.

Cho nên trong công phu tu hành hằng ngày, cần phải có sức phấn đấu. Từ sáng tới chiều, từ chiều tới tối, lúc chuẩn bị đi ngủ cho đến khi thức dậy, luôn luôn có sức phấn đấu. Ví dụ hôm nay ta làm việc rất nhiều, trong bụng lại không có thức gì để vào từ hồi sáng cho tới bây giờ. Đến trưa lên bàn ăn thì nhà bếp lại nấu cơm thiếu hoặc cơm sống. Quý vị thấy dễ giận không? Cho nên nói chúng ta phải luôn luôn phấn đấu là như vậy.

Cõi Ta-bà là cõi kham nhẫn, sự sống của chúng sanh nơi đây luôn kham nhẫn, phải chấp nhận khổ khổ, bởi vì không có gì vừa ý trăm phần trăm hết. Nếu chúng ta không phấn đấu thì có ngày mình đá đổ mâm cơm, quăng cái chén hoặc nổi khùng lên, đủ thứ chuyện. Tôi muốn nói giữ mình để tu là giữ mình đừng có khùng lên. Giữ mình bình thường để biết tất cả những thứ đó là đồ bỏ, nó trêu mình chơi vậy thôi, không có gì quan trọng. Mình nổi nóng lên là thua rồi. Làm sao sống giữa những cảnh bất như ý, chúng ta vẫn luôn bình an, tự tại. Như vậy mới tiến được tới chỗ an nhiên, giải thoát. Không có sự giác ngộ giải thoát từ ngoài cuộc sống này đem tới. Chúng ta phải biết từ những mắc mứu trần ai mà ta hóa giải hết, giữ tâm bình thường, đó là thành công.

Tu như thế là tu pháp gì? Không có pháp gì hết. Như tôi đã nói, quý vị không thể tụng kinh nào kịp để ngăn dừng phiền não một khi nó ùng ùng kéo tới. Những bức xúc, nóng nảy, bực bội, tức tối... nó đến bất kỳ lúc nào và ở đâu. Chúng đến nhanh hơn nhiều so với thời gian ta tìm kinh để hóa giải, đem kinh tới là không kịp, là thua rồi. Ngồi thiền chưa kịp kéo chân lên là đã nổi giận rồi. Có khi suốt thời thiền chỉ thấy bất an, phiền não không tu được gì hết. Người tu thiền mà cứ như thế, không hóa giải nổi, thì không gọi là tu thiền.

Cho nên làm sao chúng ta giữ mình đừng để bị làm mê, mới có thể vượt qua tất cả những phiền não. Thật sự phiền não từ trong chúng ta mà ra, chớ không phải từ bên ngoài tới. Cho nên phiền não là gốc của sanh tử luân hồi, là gốc của mọi vấn đề bất an bất ổn, khiến ta không tu hành được. Phiền não vốn không thật có, nhưng nếu chúng ta không tỉnh giác, nếu đủ duyên thì nó sẽ dấy khởi làm rối loạn, làm mất đi trật tự an toàn cho sự tu hành. Khi nào chúng ta hoàn toàn làm chủ được, không bị mắc mứu bởi những thứ gì thì phiền não mới rút lui. Chứ ta còn thấy, còn nghe, còn những cảm nhận gì gì đó thì khó mà không có phiền não. Khi ta không đủ sức làm chủ thì nó gây trở ngại cho bước tu tập của mình. Một giấc ngủ yên không khi nào phiền não len lỏi vào được. Nếu chúng ta muốn có một giấc ngủ yên thì xin quý vị đừng để phiền não vo ve mãi trong đầu, phải vất nó đi thì mới ngủ được.

Trong kinh nói phiền não tương tự như một loại lửa than, nó nung nấu thiêu đốt tâm của chúng ta. Quý vị thấy rõ ràng, một chút phiền não tới thì gương mặt chúng ta bất thường, cử chỉ bất thường, ngôn ngữ bất thường. Từ đó gây đủ thứ chuyện để chúng ta loay hoay lẫn lẩn trong vòng luân hồi. Nên nhớ phiền não kéo dẫn chúng ta đi xuống, chứ không bao giờ đi lên. Cho nên chớ Phật, Bồ-tát

ngồi không có phiền não, do vậy gương mặt các ngài luôn tươi tắn. Những hình thức bên ngoài cũng phần nào thể hiện được trong nội tâm đã bình ổn hay chưa.

Chúng ta bị thúc đẩy quá nhiều trong cuộc sống hằng ngày. Sở dĩ như thế là do mình không làm chủ được. Ngoại duyên đẩy tới cũng được, thúc lui cũng được, đàng nào cũng được hết, chúng ta không phải là loại bất động nên thiên hạ làm gì cũng được hết. Mình giống như cái trống, ai đánh cũng kêu thùng thùng. Sở dĩ nó kêu thùng thùng là vì bên trong bọng. Bây giờ làm sao chúng ta cho nó đầy lại, đừng để bọng rỗng như cái trống, nếu để như thế thì ai đụng tới nó cũng khua hết. Đây là đầy cái gì? Đây sự thanh tịnh, đây đạo lực. Nói như thế là một cách nói, chớ sự bình an thanh tịnh đâu phải là cái gì mà đầy. Tuy nhiên đạo lực đã đầy thì tất cả phiền não lui hết, sự thanh tịnh trong tâm mới hiện bày. Việc này đòi hỏi nơi sự nỗ lực của mỗi chúng ta.

Tóm lại, chúng ta phải giữ mình làm sao đừng u mê, đừng lầm lẫn, đừng mắc mưu bởi những sự kiện chung quanh thì sẽ gỡ rối và giảm thiểu dần những bất an bất ổn. Phiền não sẽ hết, bởi vì phiền não vốn không, chúng sẽ không làm gì được ta nếu mình không làm nó. Có người lý giải thế này: Ở niệm đầu chúng ta bị phiền não, nhưng sang niệm thứ hai, chúng ta làm chủ được, không bị phiền não lôi dẫn nữa. Nói chiến thắng trong niệm thứ hai, thứ ba thì qua mất rồi, muộn rồi, đâu thể gọi là làm chủ được. Tuy nhiên như thế, sự tỉnh thức có mặt lúc nào là ta an ổn lúc đó. Ta không làm chủ hoàn toàn như chư Tổ, nhưng mình tập làm chủ từng phần. Niệm nào mê thì mê, niệm nào tỉnh thì tỉnh. Còn hơn là mê suốt mặc tình cho phiền não lôi đi đâu thì đi. Đây là lời nhắc từ những kinh nghiệm của những người đi trước. Các ngài dạy chúng ta phải gắng tự làm chủ lấy. Việc đó không thể ỷ lại, không thể trông cậy vào người khác, mà tự mình phải làm chủ, tự mình gắng sức. Lúc đầu thua, sau đó phải thắng; lúc đầu hơi mờ mờ, sau đó phải sáng; lúc đầu chưa tự chủ được, sau đó phải tự chủ được. Đó là cách thức tu trong giai đoạn thực hiện công phu.

Nên biết tâm còn phiền não thì còn khổ đau. Ở chỗ giác ngộ hay bến bờ giác ngộ thì không có phiền não. Không có phiền não thì hết đau khổ. Là người tu hành, hơn ai hết chúng ta phải xốc xáo kiểm nghiệm những vấn đề này. Chúng được thể hiện rõ ngay trong từng hơi thở, trong cuộc sống của chúng ta. Ta đang ngồi tu, đang tụng niệm, đang làm việc, ta thừa biết phiền não tồn tại trong ta như thế nào và ta cũng biết rõ chính phiền não là gốc của khổ đau. Biết rõ như vậy nên ta giữ mình. Giữ mình bằng đạo lực, giữ mình bằng giới tuệ, giữ mình bằng tất cả những kinh nghiệm tu hành thường ngày. Bằng những năng lực ấy chúng ta có thể ngăn chặn được mọi khổ đau. Từ nhiều kiếp rồi chúng ta bị khổ đau thật nhiều, nên kiếp này hãy vất bỏ chúng đi. Nặng nề lắm rồi, mệt mỏi lắm rồi, không cần đeo mang nó nữa. Chúng ta phải luôn luôn tâm niệm như vậy.

Muốn thế, huynh đệ phải dè dặt trong từng li từng tí. Không phải nói như thế là mình bình yên ngay đâu. Phiền não không có tha ai hết. Nó hoang đến độ ta ngồi như ông Phật mà nó cũng tới quấy mình nữa. Không ai muốn có phiền não,

cho nên phải nhớ giữ sự tỉnh giác, để phiền não không có cơ hội lộ đầu lên quậy chúng ta. Bây giờ giữ làm sao? Chúng ta luôn luôn bị chao đảo, mất thăng bằng là vì đề ngoại duyên chi phối nhiều quá. Con người có bệnh luôn hướng ngoại, ít ai chịu xoay lại mình, phiền não từ đó phát sanh và lấn áp lại mình. Vì thế chúng ta mất tự chủ, mất mình.

Như buổi sáng hôm nay, ta vừa kéo chân ngồi thiền với tâm niệm vững vàng, biết rõ phiền não là gốc của khổ đau, do vậy không chấp nhận phiền não. Nhưng ngay từ phút giây đầu cho tới chuông báo xả thiền, phiền não luôn tới thăm viếng mình. Chúng cứ thập thò, đưa vô nhà, đưa đứng ngoài cửa. Có đưa chưa vô được, còn đứng ngoài cửa canh ta sơ hở, có đưa bị mình hất nhào chổng gọng, có đưa vô nhà được rồi, nó đứng sát bên mình, có đưa nhập vô mình luôn... Một hồi hơi là ngà mất cảnh giác thì phiền não tức là mình, chứ không phải phiền não tức Bồ-đề.

Có người đang gõ mõ tụng kinh, nghe ai chửi mình liền ngừng mõ chửi lại. Đang ngồi niệm Phật nghe mấy đứa nhỏ chọc nó phá này kia thì hăng giọng bảo: “Bà đang tu, bà đang niệm Phật nghe con. Lát bà nghỉ thì chết à!”. Không ít Phật tử chúng ta đã tu như thế. Phật tổ dạy hết lời hết ý “Phiền não không thật, phiền não vốn không, mọi thứ đều là giả tạm”. Chúng ta không đem theo thứ nào được hết, không giữ gìn được thứ nào hết. Những gì mình gây dựng dù to lớn, quý báu đến đâu nó vẫn không thật, nó sẽ không còn mãi với mình. Như vậy đeo mang chúng làm chi cho khổ đau?

Như tôi rất thích những cây kiểng. Có nhiều gốc nguyệt quế hàng mấy chục năm tuổi, nó ta bà thế giới ở đâu tận miền đông miền tây, được khiêng về đây, chăm bón thêm một thời gian khá lâu nữa, uốn qua uốn lại cong tới cong lui, giữ cho gốc to, đầu nhỏ... Tôi có bao giờ muốn nó khô chết đâu, nhưng bất thần một buổi sáng ra thăm, thấy nó buồn buồn hết một nhánh. Thầy trò tìm kiếm hết sức, coi có con sâu nào chơi xấu đục thân nó không? Tìm không ra. Thế là ngày sau ảnh rũ rượi và lặn ra chết. Có gì đâu, nó cũng như mình thôi, tất cả đều tuân theo định luật vô thường, có sanh thì có diệt. Đứng trước những sự việc tất yếu như thế mà buồn đau thì có lợi ích gì. Chúng ta biết rõ thế thôi, giữ tâm bình thường. Đó là tu.

Cho nên chúng ta nhớ, phiền não là cái không cần thiết, vì nó không thật. Bên bờ giác ngộ không có phiền não. Chúng ta phải hiểu như vậy thì tu pháp nào của Phật cũng thành công hết. Đừng tưởng mình tu sơ sơ hoặc nhớ Phật là Ngài đem ta về nơi nào đó được yên ổn, không có đau. Phải giác ngộ thực sự, chớ hồi này giác, hồi kia không giác, Phật cũng không thể cứu mình nổi. Nếu Phật có khuân chúng ta đem qua bên kia, mà mình nổi khùng lên thì không biết phải chất vô cái container nào để đem trả về nữa. Việc tu hành cần phải có đạo lực thực sự mới được.

Chúng ta có bệnh muốn tất cả sự vật, hoàn cảnh bên ngoài phải theo đúng ý mình. Như một cái cây đang phát triển lớn mạnh như thế, ta muốn làm ngăn lại

nên đùn nó vào một cái chậu nhỏ. Nó đang sưng, ta muốn nó cong queo xù xì. Đau đớn nó biết là bao nhiêu. Cái đầu của mình, cái quan điểm của mình để vào trong da thịt của nó nhiều quá thành ra mất hết cả hai. Rõ ràng những gì ta thích thú hoàn toàn không cần thiết, hay nói một cách thẳng thắn hơn là không nên như vậy.

Ở đây tôi muốn nhấn mạnh đến cái nhìn sai lầm của mình đối với tất cả sự vật bên ngoài. Ngoài đời người ta nói nghệ thuật, kỹ thuật v.v... nên phải làm như thế. Như bây giờ quý vị thấy có trái cây mùa nghịch, chớ như hồi bà già của tôi, cách đây vài mươi năm, làm gì có trái cây mùa nghịch. Mùa nào trái nấy thôi. Vì muốn chịu theo lòng ham muốn của con người, nên thiên hạ chế biến đủ thứ. Đôi khi sự chế biến ấy khiến cho sự vật phải chịu thương tổn khá nhiều.

Tôi mới đi Bến Tre, thấy đợt nhãn này vừa chín tới thì đợt nhãn khác có bông, chôm chôm hái chưa hết thì chôm chôm có bông nữa. Thật là đặc biệt. Nhưng xin thưa, nói theo kiểu người tu hành, những sự việc ấy làm cho con người vất vả nhiều lắm. Tôi không dám nói là sai, nhưng thực sự những thay đổi bất thường kéo theo một chuỗi những kết quả cũng bất thường. Thành ra khi chúng ta nhìn sự vật một cách sai lầm, sinh ra những tư tưởng sai lầm thì sẽ dẫn đến những sai lầm về nhân quả.

Bởi con người có thể tác tạo được sự vật theo ý muốn của mình, nên họ không cần đến luật nhân quả. Từ tâm niệm đó dẫn đến lỗi khinh xuất luật nhân quả, làm mất đi cái chuẩn nhân quả. Một khi con người đã không tôn trọng luật nhân quả thì nguy hiểm vô cùng. Cho nên đối với người tu chúng ta phải cần thận trọng đối với luật nhân quả. Làm chi thì làm vẫn phải giữ đúng luật nhân quả. Làm được cái nào thì hay cái nấy, chớ đừng tự hào tôi có thể sắp xếp mọi thứ theo ý muốn của tôi, như vậy e không tốt đâu. Chúng ta không thể khẳng định được các pháp phải thế này thế kia, bởi vì chúng luôn thay đổi theo duyên, luôn sanh diệt theo luật vô thường. Vì thế luôn sống với trí tuệ, hằng quán sát thật tướng của sự vật để không bị lầm lẫn dẫn đến phiền não khổ đau, là thái độ sống đúng với chánh pháp của người con Phật.

Những thứ phiền não sanh khởi từ việc xem thường nhân quả nguy hiểm vô cùng. Khi nó xảy ra dẫn đến những bất an bất ổn, khổ đau vô cùng vô tận. Với người tu chúng ta cũng còn phiền não, nhưng nó nhẹ hơn người đời nhờ vào năng lực tu hành của mình. Chư Phật thường dạy “phiền não không thật”. Nhất thời ta nhìn phiền não, chưa thấy nó không thật, nhưng hướng tu hành của chúng ta tiến đến là phải thấy rõ phiền não không thật. Đó là mục đích chính của người tu.

Thêm một điều nữa, như nói tất cả các pháp ở thế gian đều không thật. Bây giờ chúng ta chưa hoàn toàn triệt để nhìn thấy như thế, nhưng trên đường tu, với người thực sự có công phu, có hành trì, nhất định sẽ đến giai đoạn ấy thôi. Dù chậm dù mau, ta thực hiện đúng như lời dạy của Phật tử thì kết quả tuệ giác phát sanh và ta thấy rõ được thật tướng của muôn pháp. Sự tu tập của chúng ta là như vậy. Cho nên dù hiện tại, giả như huynh đệ có người nào đang bị phiền não phan

phui, cầu xé, nó làm điều đứng khổ sở vô cùng, nhưng bản thân huynh đệ đó cũng biết rõ phiền não không thật, nhất định là như thế.

Chúng ta phải tu tập để lắng yên phiền não. Cụ thể chúng ta phải buông bỏ, phải làm chủ được mình trong sinh hoạt thường nhật. Hòa thượng ấn định mỗi ngày mỗi đêm chúng ta phải có bao nhiêu thời gian để hành trì, để giữ vững sự tiến tu, với mục đích hóa giải được, buông bỏ được tất cả những thứ phiền não đó. Nhất định việc làm của chúng ta phải đi thẳng theo hướng ấy, chứ không có con đường nào khác. Nếu chúng ta có niềm tin như vậy, có pháp hành như vậy, dù hiện tại gặp phải những trở ngại, mình cũng vui vẻ phấn khởi, vì biết rõ nó không thật, rồi tất cả sẽ qua đi. Nhờ hiểu thấu như vậy, chúng ta nỗ lực phấn đấu, cuối cùng cũng tiến được.

Bây giờ trong giấc ngủ quý vị lắng dịu phiền não bằng cách nào? Có người không lắng dịu mà còn tăng cường nữa. Vừa muốn suy nghĩ gì đó, quý vị gác tay lên trán, mở quạt máy lên cho êm dịu để mà suy nghĩ, theo dõi coi hồi sáng giờ mình làm gì, nói gì. Đó là một cách tăng trưởng phiền não. Ngay những lúc ấy, quý vị ngồi dậy đốt nhang lạy Phật, rồi nói với phiền não “cấm không cho mày tới cửa tao nữa”. Sau đó, ngồi thiền nhìn tròng trợn lên, làm dữ lên coi có phiền não nào dám vô không? Vô sao được, con mắt mình mở thao láo, trước mặt mình là Phật, là ánh sáng làm sao vô được. Chỉ khi nào quý vị lơ mờ, sự tỉnh giác yếu đi thì nó mới tấn công.

Có thể nói cách lắng dịu là một thủ thuật của công phu tu trong sinh hoạt đời thường. Quý vị nấu ăn, tiếp khách, làm việc, ngồi thiền, tụng kinh, với tất cả những sự liên hệ chung quanh bạn hữu, làm sao cố gắng làm chủ, đừng bị động bởi bất cứ thứ gì hết. Giống như ta đi qua đường, qua rồi thôi, không lưu lại vết tích. Khi cảm nhận như vậy, có cái nhìn như vậy chúng ta thấy vui lắm. Suốt một buổi sáng, huynh đệ làm việc cho tới trưa, rửa tay rửa mặt, lên quá đường dùng cơm, quý vị kiểm lại, từ hồi sáng tới giờ ta không lưu lại dấu vết gì trong ngực trong bụng mình. Bây giờ cái bụng trống rỗng, để vào đó một ít thức ăn, nó sẽ tiếp nhận dễ dàng và tiêu hóa bình thường. Chiều lại huynh đệ cũng bắt đầu công việc một cách bình thường. Do vậy nên tối, mình lễ Phật bình thường, sau đó ngồi thiền tụng kinh bình thường. Ngồi thiền tụng kinh xong rồi đi kinh hành, bình thường. Sau khi đi kinh hành rồi, chúng ta vào nghỉ ngơi, nằm theo thế kiết tường, thở điều hòa, thoải mái. Như vậy chắc chắn quý vị sẽ có một giấc ngủ an lành.

Tới giờ thức dậy, quý vị cũng bắt đầu làm việc bình thường. Phiền não không có chỗ vô. Không đũa nào xâm nhập mình được hết. Lúc đó chúng ta tỉnh sáng bình yên rõ ràng, không có bất cứ một làm lẫn hay niệm nào tăm tối hiện đến. Cho nên khi tất cả phiền não lắng yên, bấy giờ tất cả giác quan của chúng ta sẽ thanh tịnh. Giác quan là những gì? Là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Quý vị có thể thấy người không có phiền não thì hình dung của họ tươi tắn lắm.

Hồi mới vào đạo, chúng ta được học với thầy những điều này, nhưng do năng lực, trí lực của mình chưa hoàn chỉnh nên cái hiểu nhận của chúng ta chưa

thấu đáo. Một lúc nào đó, qua quá trình tu hành nhiều năm, công phu phát triển cộng với sự hướng dẫn của thầy, hòa nhập với kinh nghiệm của mình, nhất định chúng ta sẽ thấy rõ lợi ích thiết thực và lớn lao của nó. Nói như thế có hơi lệch với cái nhìn của nhà thiền. Nhà thiền là trực chỉ, trực ngộ, thẳng đó là như vậy, hồn nhiên như thế. Nhưng xin thưa, hành giả trước khi đến được giai đoạn đó, cũng phải qua một quá trình tu hành nỗ lực mới được.

Nếu chúng ta muốn cho những dây mơ rễ má phiền não không làm gì được ta, thì tự chúng ta phải chính chắn. Dù chưa thành Phật thành Tổ, nhưng pháp hành của chúng ta đúng đắn rồi, thì có thể tháo gỡ được mọi phiền não gây ngốn ngang cho sự tu hành của mình. Chúng ta có thể hóa giải được tất cả nếu hiểu biết và thực hành đúng đạo lý. Thành ra tư tưởng đúng đắn thì tránh xa mọi sai lầm, không khởi ý tham tưởng dục lạc. Đối với các vật dụng, ta an nhiên bình thường, sống và nỗ lực tu dễ dàng. Được vậy tức là chúng ta đã giải thoát được những cố chấp, những cù cặn trong tâm. Là con Phật mà lọt vào thế cố chấp, cố thủ, không tháo gỡ được thì thật là nguy vô cùng.

Cho nên ở đây tôi nhấn mạnh đến sự nỗ lực tu hành. Nỗ lực tu hành để làm gì? Để sống thực với tinh thần viển ly tất cả, cứu kính Niết-bàn. Vị trí các pháp là như thế, trả lui hết. Chúng ta không uốn nắn, không bẻ cong, không có nhìn như vậy như khác. Cây mùa này lá xanh, chúng ta không có quyền bắt nó phải lá úa, nó cao lớn năm mét, ta không có quyền bắt nó ba mét, hai mét. Chúng ta không có quyền năng bắt buộc như vậy. Đồi được, bỏ được, cõi được những tâm trạng như thế thì phiền não vơi đi. Ta cứ cầu Phật cầu Bồ-tát cho con được giác ngộ, hết phiền não, an ổn, mà ta cứ đem vô trong mình những thứ phiền não thì Phật, Bồ-tát nào có thể phá vỡ cho được.

Có nhiều vị hồi bốn mươi, năm mươi tuổi, muốn thể hiện quyền uy tiền của một cách tuyệt đối, nên lúc nào họ cũng cảm thấy bất an. Cái gì đối với họ cũng không được hết, họ rầy rà thế này thế khác. Nhưng qua đó một thời gian, tới lúc có cháu nội, cháu ngoại, cháu cố... tự nhiên họ cởi mở. Bấy giờ có thể ngồi nói chuyện một cách hồn nhiên với những đứa bé chạy lững từng té lên té xuống, nghe nó nói lồm bồm ông nội bà ngoại gì đó, không ra chi hết, cảm thấy vui vui. Lúc cởi mở được như vậy thì đã trải qua không biết bao nhiêu va chạm trầy da tróc vảy rồi. Trong đó phạm cũng không ít sai lầm.

Quý vị nghĩ xem như có người mua cho con chiếc xe Dream chạy 200 km/h. Tôi nói giả dụ như thế. Sắm xe Dream với vận tốc 200 km/h nhưng biểu nó chạy 50 km/h thôi. Do đó nó than phiền ông bà già tôi thật là lỗi thời, chạy 50 km/h thì sắm xe chạy 50 km/h thôi. Cái xe để chạy 200 km/h mà biểu người ta chạy 50 km/h. Mình chạy chừng trăm mấy thì bị rầy, sướng không? Quý vị nghiệm lại xem cái rầy đó mình trúng hay tụi nó trúng. Tụi nó nói: “Con chạy chưa hết ga mà ba, nó để tới hai trăm mà con chạy mới có trăm mấy”. Quý vị thấy, chưa chắc cái rầy của mình là trúng. Nhiều thứ khác cũng như thế. Nên cuối cùng mình nhìn cho

thật kỹ, thật là bình thường, các pháp cứ theo duyên lưu chuyển. Nghe con nó nói như thế, quý vị chỉ cần “Thế à!” là xong, cần gì phải phiền não?

Tu là trong tâm phải có sự cởi mở, cái nhìn phải chín chắn. Từ đó, dây mơ rễ má, gốc gác của phiền não sẽ giảm. Tôi nói giả dụ như trong Thiền viện 11 giờ thọ trai, 12 giờ chỉ tịnh. Thế thì từ 12 giờ cho tới 1 giờ, từ ông thầy lớn cho tới ông thầy nhỏ phải nghỉ ngơi, không có việc gì khác. Nhưng hai ba bữa nay, giờ chỉ tịnh tôi thấy ông Tri sự vác xe Honda của chùa chạy ào ào. Nếu thắc mắc tôi sẽ cảm râm tại sao giờ chỉ tịnh mà ông thầy này chạy ào ào ngoài trời. Nhưng nếu xét lại, chắc có việc gì bận lắm nên ông mới bỏ ngủ chạy sáng như thế. Nếu không tội gì giờ này chạy ngoài trời nắng chi cho cực. Ít khi nào chúng ta cảm thông với người khác, cho nên ta tự chuốc lấy phiền não và làm cho mọi người chung quanh cũng khổ theo.

Người xưa thường dạy với mình thì phải nghiêm khắc, với người phải khoan dung. Trái lại chúng ta nghiêm khắc với người, khoan dung với mình. Giờ nghỉ trưa ta ngủ, không biết sự việc ra sao, nghe ông thầy chạy ngoài kia liền phiền não lên: “Giờ này mà tại sao chạy xe như vậy.” Chúng ta ít có sự cảm thông với người quá. Tôi nói như thế không có nghĩa là phá luật đâu, mà thực ra muốn nhắc nhở chúng ta phải tùy trường hợp xét nét, không nên quá cố chấp mà gây đau khổ cho mình và người. Việc nào nên giữ đúng luật thì giữ, còn gặp những trường hợp ngoại lệ, chúng ta không nên cố chấp. Như vậy những phiền não, những mắc mứu cuộn cuộn mới có thể tháo gỡ được.

Thêm một điều nữa, người tu hành phải nhẫn nại, chịu đựng mới yên được. Ví dụ mỗi đêm mình giảng mừng ngủ, không giảng mừng thì muỗi cắn chết. Nhưng có hôm giảng mừng, tán mừng thật kỹ, không hiểu sao mới vừa nằm vô có con muỗi vo ve ở lỗ tai. Chẳng hay ảnh lên đi ngã nào mà tài tình vậy? Nhưng ta cứ kệ, vo ve thì vo ve, mình lấy đồ trùm lỗ tai lại ngủ. Bất quá nó cắn một bụng thối, chứ có rủ thằng khác vô nữa đâu mà sợ. Mà nếu nó có rủ thêm vài thằng nữa cũng không sao, tụi nó cắn đâu có hết máu mình nổi. Tôi có kinh nghiệm rồi, nó cắn no thì kiếm chỗ ngủ, không vo ve nữa. Tới sáng thấy nó no đây, đi hết nổi luôn. Lúc đó muốn hất nó đi đâu, nó cũng chịu thôi, không phản đối tí nào cả. Nhưng nếu đầu đêm, nghe nó vo ve, mình nói “mày vo ve tao ngủ không được” rồi mình đập nó. Thế là càng tức càng đuổi theo nó thì càng ồn cho mình, cuối cùng nó cũng thoát thôi. Trong cuộc đời này, những việc chút chút như vậy cũng đủ làm cho phiền não đầy tràn. Vì thế chúng ta luôn sống trong bất an bất ổn. Cho nên người tu phải có sự nhẫn nại. Nhẫn nại là một đức tánh rất quan trọng. Trong lúc ăn, lúc nghỉ, lúc làm việc... phải có sự nhẫn nại thì chúng ta mới thành công. Cho nên đức nhẫn nại không thể nào thiếu được.

Thêm điều này nữa, trong giai đoạn mới công phu, chúng ta nên tránh bớt duyên cảnh để giảm thiểu phiền não. Điều này tất cả chúng ta phải ghi nhớ. Mình chưa làm chủ được mà cứ cụng đầu với phiền não hoài thì không làm sao hết phiền não được. Phải tránh phiền não, tránh bằng cách nào là tùy mình. Đây là

phát minh phát kiến của mỗi người. Do sự kiện phát sinh chung quanh công phu tu hành, mà chúng ta có được thủ thuật riêng. Cho nên trong mỗi chúng ta, người tu thì phải có đức nhẫn nại, có cái nhìn thông khoáng, có sự bao dung. Muốn cho công phu tu hành tăng tiến thì phải có sức làm chủ, khó với mình, khoan dung với người. Cuối cùng phải biết mình biết người, biết tránh duyên mới yên ổn được.

Ví dụ như quý vị biết bữa nay huynh đệ có tiệc tùng, thức ăn ngon, mình là khách được mời. Biết bụng mình mấy bữa nay hơi đau, được mời tới đó, dù thức ăn hợp khẩu vị nhưng mình cũng ăn vừa phải, cười vừa phải, nói vừa phải, vui vừa phải thôi. Để làm gì? Để cái bụng bình yên, nó không quá tải. Bữa nay là ngày vui vẻ, nhưng vui vẻ trong giới hạn đạo đức nên vui vừa phải thôi. Không đến nỗi phải cười sặc sụa, cười đến độ nín thở, chết luôn. Cho nên vui quá cũng không ổn, buồn quá cũng không ổn, ăn nhiều quá cũng không ổn, đói quá cũng không ổn, cái gì vừa phải là tốt. Mức độ công phu trong thế quân bình là yên ổn nhất, tăng tiến nhất.

Tóm lại, người tu phải sáng suốt, không để cho những cù cặn bất an bất ổn nhiều loạn chúng ta. Khăng định như thế rồi thì ta phải làm sao cho nó lắng yên, các giác quan thanh tịnh. Những tiếp cận chung quanh là tiếp cận trong tri thức, vừa phải, điều độ thì chúng ta sẽ được bình yên, công phu sẽ tăng tiến. Kinh nghiệm này sẽ giúp cho quý vị đủ sức hướng dẫn lại người sau. Cái khéo là ở chỗ đó. Từ sự xây dựng, từ cách sắp xếp trong công phu tu tập, chúng ta sẽ thành công bằng sự sáng suốt qua hiểu biết đạo lý. Chúng ta cảm nhận được sự hướng dẫn của bậc thầy tổ vô cùng quý báu. Nhất là từ tâm tha thiết tu hành chân thật của chúng ta, dù tu chậm tu mau gì, nhất định phiền não cũng sẽ lui về tánh không.

Phật nói thân này không thật, hoàn cảnh không thật, con người không thật, chúng ta phải hành trì như thế, không có cách khác. Công phu của chúng ta tiến đều theo hướng như vậy. Trong quá trình sự sống hằng ngày, chúng ta phải có những phương thức như vậy để sống. Nếu không có sự tu tập như thế thì mọi thứ hỗn độn, làm sao định tĩnh sáng suốt được. Là người tu chúng ta phải cởi mở, hiểu biết và hơn ai hết, không chấp nhận phiền não. Hóa giải tiêu dung phiền não, để rồi làm chủ được mình, giải thoát khỏi mọi khổ đau. Đó chính là mục đích duy nhất của chúng ta.



ĐỂ CÓ MỘT MÙA XUÂN

Niềm an vui chỉ có khi tâm chúng ta chấm dứt phiền não khổ đau. Mùa Xuân chỉ đến khi băng giá tiết đông không còn nữa. Tâm xuân chính là một mùa xuân miên viễn an vui, vì không còn bóng dáng khách trần phiền não nhiễu loạn tâm ta. Vì thế để có một mùa xuân đúng nghĩa, không gì hơn là chúng ta dẹp sạch hết những mầm mống gây đau khổ cho mình, cho người. Muốn thế, chỉ có một con đường duy nhất, đó là tu tập để tịnh hóa thân tâm mà thôi.

Đức Phật từng bảo chúng sanh mỗi người mỗi nghiệp, mỗi người mỗi tật, không ai giống ai cả. Ngay đến người thân ruột thịt trong gia đình cũng mỗi người mỗi nghiệp, không ai giống ai. Theo nghiệp tập của mình mà sống mà hành động, Phật nói chúng sanh sống theo tập quán là thế. Người tu rõ biết tập quán của mình, khéo áp dụng đạo lý để chuyên hóa, tiêu trừ những nghiệp tập ấy. Chúng ta tu là tu cho mình chớ không phải tu cho ai, nên không thể trông cậy vào người khác. Đó là chỗ chúng ta phải nhận định thật kỹ để sắp xếp việc tu hành cho thích hợp. Làm sao mỗi ngày, mỗi giờ qua đều hóa giải các tập nghiệp mòn sạch hết, như vậy mới có lợi lạc an vui thiết thực.

Người Phật tử khi đã quyết tâm tu, trước phải có đức tự tin, không nên băn khoăn. Tại sao? Vì trong lòng băn khoăn thì việc làm sẽ không tới nơi, vì vậy người tu phải cương quyết. Đức tự tin của người tu, không có nghĩa là tự kiêu, tự đại. Tự tin ở đây tức là tin chắc mình là Phật và mình tu sẽ thành Phật. Tin một cách khẳng định như vậy, nhất định việc tu sẽ tiến. Có thành tựu đức tự tin viên mãn, công phu tu của chúng ta mới thành công được.

Chúng ta đã biết mọi thứ vẽ vờ trên cuộc đời này đều từ cái tâm vọng tưởng đảo điên mà ra. Tâm ấy không phải là tâm chân thật của mình. Cũng từ cái tâm không chân thật này, nhiều đời kiếp rồi chúng ta bị trôi giạt trong luân hồi sanh tử. Do đó ngày nay gặp Phật pháp, được chỉ phương pháp tu hành, chúng ta đừng làm nó nữa, đừng tin cái tâm không chân thật ấy nữa. Phải khẳng định tâm thể thanh tịnh chân thật của mình, không sanh không diệt. Muốn thế, phải cố gắng buông bỏ hết vọng tưởng, để tâm chân thật hiện bày.

Đức Phật đã từng nhắc nhở chúng ta, cái tâm chân thật ấy vốn viên mãn, vốn luôn sẵn có bên mình, không phải ở đâu xa. Nhưng nếu chúng ta phóng tâm theo ngoại cảnh, lãng xăng bỏ quên mình thì coi như nó không có vậy. Nói không có tức là có mà cũng như không, chớ thật ra cái tâm ấy chưa từng vắng thiếu bao giờ. Bây giờ chúng ta tin khẳng định tâm chân thật của mình luôn hiện hữu, nếu ta bỏ được tất cả mọi thứ bóng dáng không thật đi. Dứt khoát như vậy thì mới tu và sống được với tâm chân thật, tâm thuần phác thanh tịnh sáng suốt trùm khắp của chính mình. Đó là những việc người tu phải làm và làm đến nơi đến chốn.

Sống được với tâm thể của mình rồi thì tất cả những lằng xằng rối rắm chung quanh sẽ không làm gì được ta. Muốn thế phải tin mình có khả năng thành Phật. Dù bây giờ chúng ta vẫn còn lang thang trong kiếp sống phiêu linh lằng tữ, trôi giạt mãi theo tâm viên ý mã, nhưng chúng tử Phật vẫn chưa hề mất bao giờ cả. Nhận định rõ như vậy, từ đây về sau chúng ta có được niềm tin vững mạnh, thì việc tu hành mới đạt kết quả tốt. Nhất định chúng ta phải tin tâm mình là Phật, sống lại với tâm đó, tất cả những gì chung quanh buông bỏ hết. Như vậy mới an ổn được.

Có ai tu mà không muốn an ổn đâu? Người xuất gia tu vì muốn vào Niết-bàn. Phật tử tại gia đi chùa, tin kính Tam bảo để được phước, để không gặp những chuyện bất như ý hoặc trắc trở trong gia đình, trong cuộc sống. Những điều đó không phải sai, chỉ có điều chúng ta làm không đúng nên kết quả cũng không đúng. Như tôi đã nói, phải tin tâm mình, tin vào khả năng thành Phật của chính mình. Muốn làm Phật thì phải làm việc Phật, có bao giờ muốn thành Phật mà lại làm việc ma đâu? Thuần sống với Phật chất, nhận lại con người thực nơi chính mình, làm đúng như vậy thì nhất định người đó đạt được kết quả an ổn.

Thành ra người tu phải có niềm tin sắt đá, vững như núi vậy. Tại sao phải thế? Vì với bao nhiêu hình ảnh của cuộc đời, chỉ cần chúng ta hoa mắt một chút là lầm ngay và sẽ lầm dài dài. Phật tử tại gia lầm và luôn cả những người xuất gia như chúng tôi đôi khi cũng lầm. Lầm cái gì? Cái vọng tưởng điên đảo, nó vẽ vời rồi dẫn mình đi từ đời này sang kiếp nọ, ít khi nào dừng lại được. Quý vị thử nghiệm trong một giờ, nói một giờ hãy còn dài quá, chỉ mười phút thôi, ta ngồi lại nghiệm xem sẽ thấy vọng tưởng có sức lôi dẫn mạnh mẽ như thế nào. Nó giới giẩn tế nhị phi thường, dẫn mình chạy hết đông sang tây, hết việc này tới việc nọ, hết con đến cháu, dẫn suốt ngày đêm, luôn cả trong chiêm bao mà ta vẫn chạy theo vô điều kiện. Thế nên từ nhiều đời chúng sanh trôi lăn trong biển khổ sanh tử là vì vậy.

Tuy nhiên trong nhà thiền dạy, dù vọng tưởng lầy lùng thế ấy, song nếu chúng ta biết vọng tưởng, bỏ đi thì nó không dẫn mình được nữa. Chỉ chút xíu vậy thôi, gọi là tu. Muốn làm được việc đó chúng ta phải có cái gốc, dứt khoát tin chắc cái gốc như thế. Ví như những nhà kinh doanh, họ dám đầu tư bạc triệu vào công việc làm ăn, vì biết rõ mình có một số vốn lớn như thế nào đó, mới dám đưa tiền ra nhiều chứ. Nếu không có vốn liếng, không có phương thức, không có một tài trợ nào khác mà nói đầu tư làm ăn, chỉ là nói cho vui với thiên hạ chơi thôi. Cũng thế, chúng ta không tin vào khả năng thành tựu thánh vị của mình, không tin vào tâm thể thanh tịnh vốn có của mình, không mạnh mẽ buông hết tất cả những điên đảo loạn tưởng thì không bao giờ sống lại được với tâm thể chân thật ấy. Người như thế dù nói tu đến đâu cũng không được an ổn, nói gì vào Niết-bàn?

Tam tổ Tăng Xán trong bài “Tín Tâm Minh” đã dạy rất rõ về việc tin tâm mình, tức tin vào tâm chân thật không hai của chúng ta. Ai tin được tâm đó thì hiện tiền sống Phật, làm việc Phật, hít thở Phật, cái gì cũng Phật hết. Từng bước đi

nở hoa sen, ở đâu cũng là cõi tịnh lạc, lúc nào cũng thấy một trời xuân tươi thắm. Ngày xưa Thiên sư Linh Hựu khi được Sư phụ đưa về ở núi Quy, Ngài thấy chung quanh hoang dã, là hang động của cọp beo rắn rít rất dễ sợ, mọi người chẳng ai dám lai vãng đến đây. Nghĩ rằng cứ ở như vậy tu sẽ không làm lợi ích nhiều, nên một hôm Ngài đi lần xuống núi, với tâm cả quyết Ngài nói rằng: “Nếu ta có duyên với nơi này thì xin các loài thú dữ hãy nhường chỗ cho lão tăng mở đạo tràng, tiếp độ tứ chúng. Nếu không đủ duyên hoằng pháp lợi sinh thì ta sẽ chống gậy đi nơi khác”. Nói xong, cọp beo rắn độc v.v... thấy đều biến mất hết. Từ đó Ngài trở thành Tổ của núi Quy, dưới hội lúc nào cũng có trên dưới cả 1500 chúng đến tham học. Đó là do tâm cả quyết mà thành tựu được vậy. Nếu buổi đầu tổ Quy Sơn nhút nhát, sợ chết, sợ cọp sợ beo, không tin chắc vào tâm chân thật của mình, nhất định không làm được việc ấy. Người tu phải có lòng tin mãnh liệt mới làm được việc lớn.

Chúng ta trước nhất phải tự tin tâm mình, tự tin tâm rồi thì hoàn cảnh chung quanh sẽ quy thuận theo tâm chân thật ấy. Ngược lại, tâm ta không thanh tịnh, ngược xuôi vọng động thì bị các pháp, các cảnh chung quanh xoay chuyển, chúng cuốn hút khiến ta mất mình mà không tự hay biết. Người không làm chủ được, dù nói tu hành thế nào nhưng vẫn bị cảnh duyên bên ngoài kéo lôi, không thể có kết quả như sở nguyện được. Điều này chúng ta phải suy nghĩ và có định hướng cho mình thật dứt khoát rõ ràng trong sự tu học.

Ngày xưa có tổ Quy Sơn như thế, chẳng lẽ bây giờ lại không có tổ Quy Sơn sao? Có chứ. Người thời nay cũng có thể làm được những việc như người xưa, bởi vì những việc đó không phải chỉ để dành cho người xưa. Điều quan trọng là chúng ta phải tỉnh, phải quyết tâm quay về sống với mình và tin chắc vào khả năng thành Phật của chính mình. Người con Phật là người can đảm, không ỷ lại, không trông cậy vào những thế lực ngoài mình. Nếu nương tựa bên ngoài, qua một thời gian nào đó chúng ta sẽ bị mất mình. Vì những gì bên ngoài là của bên ngoài, nó không phải là cái của mình. Người tu phải nhận và sống lại với cái của mình, cái bên ngoài chỉ là ngoại duyên trợ giúp chúng ta thôi. Trong kinh chư Phật tổ thường nói chúng sanh bỏ quên hạt ngọc của mình, tự quay lưng với mình nên bị mất mình. Mất mình là như vậy, là mất đi tự tính sáng suốt, chớ không phải mất thân mạng này. Cho nên quan trọng là phải phát huy cái chân thật, cái sẵn có của chính mình bằng niềm tự tin nơi ta. Đó là điều thứ nhất.

Điều thứ hai chúng tôi muốn nói là tinh thần quả cảm của người tu. Quả cảm tức là cương quyết. Người tu phải cương quyết, dứt khoát làm việc gì thì nhất định làm cho tới nơi. Như vậy việc làm mới có kết quả. Nếu chúng ta làm một việc gì không đúng, không sâu sắc, không khẳng định đường lối chủ trương của mình thì e rằng kết quả không như ý muốn. Ví dụ như Phật tử tu thiền, tới giờ ngồi thiền quý vị vẫn ngồi nhưng chưa tin hiện tại mình được an lạc thì đảm bảo tương lai cũng không thể an lạc. Dù quý vị có ngồi thiền bao nhiêu, tâm cứ lăng xăng những nghĩ tưởng băng quơ thì không thể nào an ổn được.

Người tu phải có tinh thần quả cảm quyết liệt mới chiến thắng được những nghiệp tập của mình. Phật dạy “Tự chiến thắng mình là chiến công oanh liệt nhất”, ngày xưa nghe câu này mình tin không nổi. Tại sao tự thắng mình là chiến công oanh liệt hơn chiến thắng trăm ngàn quân? Bây giờ ngồi lại tu chúng ta mới thấy giá trị của câu nói này. Quả thực là như vậy. Nếu chúng ta không tinh, không quả cảm, không quyết liệt sẽ không chiến thắng được những trận giặc lằng xằng trong lòng mình, những phiền não loạn tưởng, những nghiệp tập sâu dày tằm tối từ bao đời. Chúng ta không đủ sức chiến thắng nó, đã không đủ sức chiến thắng nó thì nó kéo sên mình đi mãi thôi, không dừng được. Chỉ khi nào ta có đủ sức mạnh bên trong mới có thể chiến thắng được giặc phiền não. Sức mạnh đó là lòng quả cảm, gan dạ phi thường. Cho nên nói “Đức tự tin khiến con người mạnh dạ gan dạ trong mọi công tác lợi mình lợi người”.

Bởi vì nghiệp tập của chúng ta có từ nhiều đời kiếp rồi nên nó có sức mạnh lắm. Nó kéo lôi, ve vuốt làm mình phải nhẹ dạ nghe theo, trôi theo nghiệp rồi tạo thêm nghiệp mới và cuối cùng là chuốc quả khổ. Người biết tu phải gan một chút, nhìn lại thấy rõ bộ mặt thực của tất cả những cái ve vuốt, dẫn dắt của nghiệp thì dứt khoát cắt đứt, chặt thẳng, không liên hệ nữa. Phải gan dạ, quả cảm như vậy mới tu được.

Chúng ta đừng sợ những việc nghe mạnh mẽ như thế khó làm, có khi thấy khó nhưng mà dễ làm. Quý vị còn nhớ trong chuyện Phong Thần, có ông tướng nào không đầu phép đầu. Tướng dờ dờ què què khi xuất trận cũng có một vài bửu bối, họ đánh nhau toàn là bằng bửu bối không. Khương Tử Nha là người lãnh đạo cuộc chiến, ông cũng có bửu bối. Ông cỡi con vật gọi là tứ bất tướng, nghĩa là trong bốn loại thú nó không giống loại nào hết. Sau một trận chiến tranh dài không biết bao nhiêu chết chóc, đôi phương chỉ còn lại một người thôi. Đó là Đắc Kỷ, không ai giết được cô. Một lời than của cô tất cả trang dũng tướng đều rụng rời hết. Bây giờ vị đại tướng quân có mặt trong trận chiến bằng phép thuật ghê gớm đó là Dương Tiễn, cháu của Ngọc Hoàng Thượng Đế. Ông này là người mang lệnh của Thượng Đế xuống để sắp đặt mọi việc. Dương Tiễn xách gươm ra hành quyết Đắc Kỷ, nhưng khi nghe một tiếng than của cô ông cũng không giở gươm lên nổi. Thế là bao nhiêu tướng tá già trẻ, những người giỏi nhất trong bộ tham mưu của Khương Tử Nha đều không giết được Đắc Kỷ. Trong khi Đắc Kỷ chỉ là một người con gái không còn gì nữa, cả triều đình Trụ Vương đều tan rã hết. Một người con gái không có vũ khí, không có binh lực, mà không anh hùng nào giết được. Cuối cùng ai làm được việc này? Đó là tiên nhân Tán Tiên Lục Yểm, ông thường hay lang thang khắp nơi. Bằng bửu bối là cái kéo, ông niệm thần chú, cái kéo từ trong hồ lô bay ra cắt cổ Đắc Kỷ. Bởi cái kéo nó không yếu đuối, không có cái gọi là gì gì hết, nên nó bay tới đâu thì cắt được tới đó.

Cũng thế, người tu đối với vọng tưởng phải như cái kéo của tiên nhân Tán Tiên Lục Yểm. Chúng ta cần quyết định dứt khoát, không bên này bên kia, không tình cảm gì gì hết, sáng suốt minh bạch giống như cái kéo kia, mới mong chiến thắng được vọng tưởng. Chúng ta bình thường luôn chạy theo vọng tưởng, khởi

lên niệm nào liền theo đó phân biệt đẹp xấu hay dở rồi sanh thương ghét đủ thứ. Cuối cùng bị cái thương ghét ấy kéo lôi và mất mình. Người tu không phải không có tình cảm, nhưng tình cảm theo thể gian thì không nên, mà tình cảm như Phật dạy là lòng đại bi không bờ bến. Chúng ta thương mọi người mọi loài chưa thực hiện được sự giác ngộ giải thoát, sống chìm đắm trong vô minh, chớ không phải tình thương thông thường của thế gian. Trong đạo, tình thương không có giới hạn, không có biên cương. Người tu thấy chúng sanh đang khổ, khởi lòng thương muốn làm sao dẫn dắt cho họ vược lên để hết khổ.

Trong lúc công phu, chúng ta áp dụng lời Phật dạy, điều phục và chiến thắng những vọng tưởng, sống được với tâm trong sáng bình yên, không vướng kẹt vào đâu hết, như thế sẽ mau thành Phật lắm. Nếu ai sống thật với tâm chân thật của chính mình thì lúc ngồi là Phật ngồi, nằm là Phật nằm, sống là Phật sống, hít thở là Phật hít, làm bất cứ việc gì cũng đều là Phật sự. Trái lại trong tâm chông chất điên đảo vọng tưởng, loay hoay lẫn lộn với nó mãi, nghiệp tập ngày càng dày, phiền não ngày càng nhiều thì làm sao an vui được.

Người nào mình thương, việc gì mình chiếu cố nhiều nhất thì mình lo lắng nhất. Càng lo lắng nhiều thì càng vướng mắc phiền não nhiều. Mà phiền não là gì? Phiền não là gốc của luân hồi sinh tử, gốc của khổ đau. Cho nên người tu phải khắc trừ những thứ đó, phải hết phiền não mới thành Phật được. Còn phiền não, còn những bất ổn trong lòng thì việc làm của mình sẽ nhạt nhẽo, không tích cực nên kết quả cũng không tốt.

Chúng ta làm bất cứ việc gì bằng tâm chân thật, nhất định sẽ dẫn đến kết quả tốt đẹp. Bước đi của Phật, Bồ-tát có hoa sen nở, để nói lên sự thanh thản, giải thoát, tươi đẹp của những bậc đã giác ngộ giải thoát. Nếu chúng ta không vướng bên này, không mắc bên kia, không đầu tư lời lẽ gì cả thì có thể từng bước đi của mình cũng có hoa sen đỡ dưới chân. Ngược lại, nếu bước đi mà canh cánh trong lòng, nào là việc hơn việc thua, thương giận v.v... thì chẳng những hoa sen đỡ không nổi, mà mình bước tới đâu quả địa cầu này rung rinh sắp sụp tới đó. Bởi vì nó nặng nề quá, tằm tối phiền não chông chất trong tay nải của mình, thành ra không có cái gì đỡ nổi những bước chân như thế.

Muốn ung dung tự tại trước mọi cảnh duyên chung quanh, luôn cả những nguy hiểm trước mắt, chúng ta phải có đức quả cảm. Điều này nói thì dễ dàng, nhưng làm không phải dễ. Trong đời sống, trong việc làm, trong ngôn ngữ, nếu chúng ta không vững vàng, trong lòng bất ổn thì sẽ vướng mắc ngay. Nếu là người tu chân thật chúng ta nên tự xét lại mình để rồi dứt khoát, cái nào ra cái nấy, như vậy thì mới an lạc. Thật ra cảnh duyên bên ngoài không tự nói sẽ làm khó chúng ta đâu, không có ngọn núi nào nói sẽ cản trở người leo núi cả. Các pháp là các pháp thôi. Nhưng vì chúng ta yếu đuối, vọng tưởng đảo điên nên khi nghe trình bày một vấn đề gì, thấy một hiện tượng gì, chứng kiến một cảnh gì, trong lòng mình băng khuâng, không dứt khoát. Bây giờ chúng ta cần phải quả cảm lên, nhận định cho sâu sắc để dẹp phứt những thứ không cần thiết ấy đi thì mới yên được.

Người lúc nào cũng canh cánh trong lòng ăn không ngon, ngủ không được, đi lững thững lờ thờ nhất định không sớm thì muộn cũng phát bệnh thôi. Bệnh bao tử rồi bệnh gan v.v... đủ thứ bệnh, từ đó sanh tâm bệnh nữa. Tâm bệnh tức là phiền não, phiền não thì không có Bồ-đề. Phật dạy phiền não tức là Bồ-đề nhưng chúng ta không nhận được tánh thực của phiền não là Bồ-đề, không thức tỉnh được phiền não không thật nên ta chỉ ném được mùi vị của Bồ-đề gai, chứ không phải Bồ-đề thật.

Bao giờ bằng Phật mới vừa lòng con. Tu học làm sao bằng Phật mới vừa lòng mình, chứ không phải tu lên Thượng tọa, Đại đức hoặc Hòa thượng, có cái chùa đẹp đẹp được rồi. Không phải. Phật tử lâu lâu đi nghe giảng, đọc kinh sách, thấy vậy rồi hài lòng cũng không đúng. Nguyên tu học Đại thừa là bao giờ bằng Phật mới thôi. Ước mơ của người con Phật chính là như vậy, không ước mơ điều gì khác. Mà Phật là gì? Là giải thoát, là thanh tịnh, là an lạc. Chúng ta làm sao giải thoát, an lạc, thanh tịnh tức là bằng Phật. Thấy như tu dễ, nhưng mà thật là trần ai, tu hoài không xong.

Vì vậy trong bài sám mười điều nguyện, chúng ta phải phát lời nguyện như vậy: Chín thể chẳng dám mồi mòn, Dắt diu muôn loại đều tròn *pháp thân*. Dù hiện tại gặp bất cứ trở lực nào cũng nguyện không mồi mòn, không lui sụt, dắt diu muôn loại đều tròn Pháp thân. Pháp thân cũng là Phật. Nghĩa là diu dắt hướng dẫn mọi người một cách đúng với tinh thần Phật pháp, để muôn loài đều sống được với Pháp thân thanh tịnh, sáng suốt, trùm khắp của mình. Phật sự như vậy mới đúng theo tinh thần Phật dạy.

Điều nguyện thứ mười:

Mười đem tất cả công huân,

Mọi loài cùng hưởng, khắp trần cùng vui.

Mười điều nguyện này, đọc lên chúng ta thấy cảm xúc lạ thường, đồng thời cũng tự hổ thẹn nữa. Mình tu không biết bao lâu, mong ước thì nhiều lắm nhưng không đúng với tinh thần Phật dạy cho mấy, nên kết quả không được bao nhiêu. Điều nguyện thứ mười nói đem tất cả công huân, tức tất cả công đức lành mình tu được, hồi hướng hết cho chúng sanh đều được thấm nhuần, đều được lợi lạc. Không muốn chúng sanh sống trái lại với tinh thần Phật dạy, chỉ muốn tất cả đều được thấm nhuần Phật pháp, phát huy tinh thần đó để cùng nhau chung hưởng an lạc giải thoát. Chúng tôi muốn nêu lên những điểm này, để tất cả chúng ta ý thức và bắt đầu xây dựng lại cuộc sống đạo vững chắc tốt đẹp hơn. Như tôi đã nói, hít thở Phật, đi đứng Phật, ngồi nằm Phật, không có việc gì khác chen vô. Chúng ta đem tinh thần ấy trang trải đến mọi loài, làm sao cho tất cả đều được huân tập, đều phát triển đến thành tựu viên mãn.

Một điểm không thể thiếu nữa của người tu là đức cần cù nhẫn nại. Cần cù là gì? Là bền chí. Chúng ta có bền chí chưa? Nghiệm cho cùng, dường như ta có chí mà chưa bền lắm. Vì vậy lâu lâu nghe ai nói tu cách nào hay hơn thì ta liền bỏ

con đường mình đang đi. Như vậy đối với chánh lý Phật pháp, chúng ta chưa có gan, chưa nhẫn nại thực hành tới nơi tới chốn, nên thấy cái gì hay hoặc người ta nói điều chi lạ mình dễ tin, dễ chạy theo.

Người tu không thể thiếu bền chí, có bền chí mới vượt qua mọi khó khăn trở ngại. Dù phải trải dài kiếp số bao lâu, dứt khoát chúng ta cũng giữ vững con đường tu như thế, gan dạ vậy đó mới có kết quả như ý. Dù ba đức như trên đã trình bày thì không có khó khăn nào chúng ta không thực hiện được. Chư Phật, Bồ-tát cũng từ các đức này mà trải qua kiếp số nhiều vô lượng, thành tựu được đạo giác ngộ giải thoát viên mãn.

Tôi nhớ một câu chuyện xảy ra giữa hai thầy trò Thánh đệ tử của đức Phật như thế này. Hôm đó trên đường đi, người đệ tử theo sau chân vị thầy đã chứng A-la-hán, ông suy nghĩ như vậy: Phật pháp cao cả quý báu, công đức sâu dày, là người tu không thể dung dị bình thường mà có thể chứng đạt được những công đức đó. Ông nhớ lại gương hạnh của chư vị Bồ-tát, trải dài nhiều kiếp số chẻ xương làm bút, lấy máu tùy làm mực để ghi chép kinh, cúng dường ủng hộ, làm những việc công đức không sòn lòng, đến ngày thành Phật cũng chưa bỏ những công đức đó. Hôm nay mình xuất gia tu hành, không thể căn cứ vào một vài công đức nho nhỏ, khổ hạnh sơ sơ mà có thể thành tựu được Phật quả. Nghĩ vậy nên ông phát tâm hướng đến những công đức lành lớn lao. Liên khi ấy, tâm ông rộng rang sáng suốt, không còn hạn cuộc nào. Bấy giờ vị thầy bảo “Người hãy đưa gói hành lý cho ta và đi trước ta đi!” Nghĩa là vị thầy cho đệ tử đi trước, còn mình quảy gói cho đệ tử.

Sau đó người đệ tử lại nghĩ: “Đây là những việc làm có công đức lớn lao, hạng căn khí Đại thừa bén nhạy mới có thể thực hiện viên mãn được. Mình là hạng tầm thường làm sao bì nổi với các bậc kia, mong chi mơ ước thành Phật thành Tổ? Chỉ làm sao được chút an ổn, đừng bị làm, đừng bị ma quỷ dẫn dắt cũng là hạnh phúc lắm rồi”. Vừa thoái tâm suy nghĩ như vậy, vị thầy liền đuổi nói: “Ông đi ra sau quảy gói đi!” Hai ba lần như vậy.

Chú đệ tử mới lấy làm lạ: Ủa! Sao hôm nay thầy mình hỏi thì kêu mình đi đằng trước, biểu đưa cái gói cho thầy quảy. Hỏi thầy đẩy mình ra sau, biểu mình phải quảy gói cho thầy? Cuối cùng chú thưa:

- Sao hôm nay giữa con với thầy, giữa thầy với con lại có những sự việc như thế?

Vị thầy nói:

- Ta biết trong lòng của người có khi phát tâm Đại thừa, phát tâm Bồ-tát lớn lao. Có khi người lại thoái thất, sợ sệt yếu đuối, không đủ gan dạ tu tiến. Những lúc người phát tâm đại thừa quyết tiến theo con đường thành Phật thì ta mời người đi trước, ta tôn trọng công đức đó nên ta quảy gói cho người, vì người đang phát tâm thành Phật mà. Ta để người đi trước, ta đi sau làm thị giả người. Nhưng người

làm Phật không xong, vừa phát tâm lại nghĩ ngại lui sụt lùi, do đó ta đẩy người ra sau làm thị giả cho ta.

Nghe thầy giải thích như vậy, người đệ tử mới nhận được thì ra phát tâm Đại thừa cao quý như vậy! Phát tâm tu hành cần phải gan dạ và quả quyết, nhất định ngay trong đời này sáng được việc của mình, thành tựu Phật vị cao quý là điều đáng tôn trọng nhất. Bây giờ người đệ tử mới bạch với thầy:

- Từ đây về sau, trải qua kiếp số vô lượng vô biên mãi mãi con phát tâm Bồ-đề, nguyện tu hành thành Phật. Dù phải trải qua những cam go, gian khổ con nguyện không sờn lòng. Nhất quyết nương vào uy lực Bát-nhã, tu là chỉ tu như thế, thành là chỉ thành Phật, không mong cầu, không sợ sệt, không thoái lui như thời gian đã qua nữa.

Người xưa thường có những phương tiện hay để phấn phát kẻ học đạo để thành tựu. Chúng ta bây giờ cũng có phương tiện, nhưng chưa thành công vì sự phấn phát của chúng ta chỉ mang tính cách nhất thời, chưa quyết liệt. Nếu thành công thì thành công ấy cũng tạm thời, chớ không phải thành công rốt ráo. Bước chân của chúng ta còn nhiều trơn trượt, do không vững nên ta thường sa hầm sụp hố. Đó là những điểm yếu của người tu trong thời nay.

Người con Phật đặc biệt những người tu thiền, phải biết những điều này để cố gắng khắc phục, làm sao trong từng bước đi, từng hơi thở, từng sinh hoạt, cuộc sống của mình là Phật hết, không có gì trái lại với tánh giác. Đừng nên làm việc gì, nghĩ điều gì, nói lời gì trái lại với tánh giác. Luôn luôn phát huy, bảo dưỡng thật tốt tính giác của mình, đó là gốc của sự tu. Dù được khen hay bị chê, thất bại hay thành công, chúng ta cũng không quan tâm, việc duy nhất của mình chỉ là phát huy tính giác, sống và sống trọn vẹn với tánh giác ấy, không có các việc khác. Như vậy chúng ta mới tu đúng theo tinh thần Thiên tông của đạo Phật.

Khi nào chúng ta sáng suốt, làm chủ được mình thì tất cả ngoại duyên bên ngoài ta đều sử dụng đúng với tinh thần đạo lý. Trái lại tâm không sáng, chí không vững, chúng ta sẽ bị những thứ ấy xoay chuyển và rồi mình lại ngược xuôi theo chúng. Cả đời loay hoay lẫn quẩn, cuối cùng chuốc lấy khổ đau, làm gì cũng vương mắc hết. Đó là hiện thực mà người tu phải biết và phải sắp xếp sao cho việc tu hành của mình tiến được.

Chúng ta phải tu làm sao? Đây là một vấn đề. Phật tổ thường dạy muốn việc tu không sai lạc, trước chúng ta cần phải nhận cho được tánh giác của mình. Mà tánh giác là gì? Giác tức là biết, biết một cách sáng suốt. Nhận và sống được với tánh giác là hoàn thành công phu tu. Đây là việc làm chính của người tu chúng ta. Phát huy được tánh giác rồi, việc tu nhẹ nhàng lắm. Việc tu nhẹ mà kết quả lại nhiều. Cho nên Lục Tổ bảo trước cần phải kiến tánh rồi sau mới khởi tu.

Phật tâm của mình, ai cũng có nhưng vì mãi chạy theo bên ngoài nên chúng ta quên mất nó thôi. Như bây giờ nghe ai chửi mình, ta hãy khoan, đừng vì tiếng chửi mà nổi giận. Hãy soi thủng, bình tĩnh nhận lại, sống lại với tánh giác

hay nghe của mình. Quý vị soi thủng, nhận lại, sống được với tánh giác thì tiếng chửi kia sẽ không dẫn quý vị đi đâu hết. Chứ vừa nghe người ta nói lời gì đó, chưa hẳn chửi mình nữa, ta liền nghĩ đủ cách để đối phó thì dĩ nhiên tánh giác đã bị mờ đi rồi, phiền não sẽ lấp đầy trong tâm và ta thọ nhận khổ đau, tức giận.

Cho nên người muốn sống lại với tánh giác của mình thì không hành động như vậy. Đối với tất cả các duyên lúc nào cũng bình tĩnh, sáng suốt, không làm, không chạy theo, không mắc mứu bởi các duyên bên ngoài. Bởi tánh giác không hình tướng nên không thể chỉ ra cụ thể, song nếu chúng ta nghiệm cho kỹ, ai cũng có sẵn hết. Do có tánh giác ta mới có thể nhận biết rõ ràng mọi thứ mà không cần suy nghĩ gì cả. Cái nhận biết vô tư ấy mới đích thực chân thật, không sai lầm. Thế nhưng chúng ta cam chịu mất mình, ít khi sống được với cái chân thật này lắm. Đó là điềm khuyết dỡ cần phải chừa bỏ.

Chúng ta đã có tánh giác sẵn mà bảo tu là tu làm sao? Đây lại là một vấn đề nữa. Có tánh giác nhưng mình bỏ quên nên cũng như không. Giống người có tài sản lớn nhưng lỡ bỏ quên ở đâu rồi, bây giờ hiện tại không có nên cũng thành kẻ nghèo thiếu. Nói tu là tu chỗ này, nghĩa là làm sao sống lại được với tánh giác sẵn có của mình. Thành ra tuy có tánh giác sẵn mà phải tu. Tại sao phải tu? Tu để nhận lại cái sẵn có ấy, đừng quên nó nữa. Nó với mình không phải là hai nên khi nghe người ta chửi mình vẫn bình thường, được mất buồn vui không còn quan tâm nữa, như vậy mới an lạc được. Bởi vì sống được với tâm chân thật rồi thì bất động.

Như người thế gian ưa thích âm nhạc, khi nghe tiếng nhạc tâm hồn đặt hết vào những âm thanh ấy, quên cả thời gian, không gian. Có khi ngồi hàng giờ lắng nghe như vậy vẫn không thấy mệt thấy chán. Cũng thế, người tu khi sống được với tánh giác hoàn toàn trọn vẹn rồi thì cảnh duyên bên ngoài sẽ không can hệ gì mình nữa. Hiện tại chúng ta còn bị can hệ nhiều, phải không? Cảnh nào bên ngoài cũng làm mình vui buồn, phiền não, thoái tâm Bồ-đề, tại vì mình chưa sống được với tánh giác. Bây giờ chúng ta sẵn sàng buông bỏ tất cả để sống lại với tánh giác của mình. Tu như thế mới đúng với tinh thần của người tu nhất.

Nếu chịu khó nghiệm kỹ lại, chúng ta sẽ thấy mình sống rất vô lý. Tại sao vô lý? Những thứ hư giả không thật, càng chạy theo càng mắc mứu, càng tạo nghiệp càng chuốc quả khổ, vậy mà chúng ta vẫn cứ chạy theo nó. Từ sáng sớm mở con mắt ra cho đến tối nhắm mắt lại ngủ, không lúc nào mình có được phút giây dừng lại. Chúng ta cứ lặn xả vào nghiệp lực, hăng say trong cuộc diện ấy, như thế mà nguyện Phật cho con được an lạc thì làm sao an lạc được? Phật nào có thể cứu giúp người thích bơi lội trong sự si mê vô lý. Nói vô lý vì mình đã có cái chân thật mà không chịu nhận, cứ lao đầu vào cái điên đảo hư giả rồi than khổ và cầu Phật cứu khổ. Cứ chấp nhận kéo dài cuộc sống lê thê trong sự vô lý đó. Càng vô lý càng điên đảo, càng điên đảo càng thêm vô lý, cho nên lặn lộn trong vòng luân hồi không dừng. Có một nhà thơ đã diễn đạt ý này thật khéo: “*Lang thang từ độ luân hồi, vô minh nẻo trước xa khơi dậm về*”.

Thử hỏi tại sao chúng ta lại lang thang như thế? Tại vì mình chưa sáng, vì còn mê hay vì vô minh. Vô minh là gì? Vô là không, minh là sáng. Vô minh là không sáng. Chúng ta không chịu sống với cái sáng suốt của mình, mà lại sống với cái vô minh. Vì vậy nên tạo nghiệp chuốc lấy quả khổ trong ba cõi, mới nói Vô minh nẻo trước xa khơi dặm về. Bởi vô minh ở niệm trước đó đã tạo cái nhân mờ tối, khiến cho nẻo về quê xa tít. Đã tạo nhân vô minh thì sẽ bị quả vô minh dẫn đi. Phật là an lạc giải thoát thanh tịnh, chúng ta không sống lại với tánh giác ấy mà gây tạo nhân lãng xăng phiền não tăm tối, làm sao thành Phật thành Tổ được? Chỉ có dừng vô minh là hết lang thang trong tam giới, là chấm dứt khổ đau. Giản dị vậy thôi.

Khi nhận ra được tánh giác rồi, chúng ta sẽ thấy cuộc luân hồi lang thang hiện nay là một sự mê muội phi lý. Tự ta gầy dựng cái phi lý ấy cho mình và càng phi lý mãi khi ta không biết dừng. Như vậy quý vị có nhận ra cách tu chưa? Chỉ tính sáng là được. Ví dụ như muốn ra đường thì mình phải sáng mắt, thấy bước ra ngoài nên đi theo ngã nào để đến chỗ mình muốn đến, không đi lầm đường lạc lối. Đó là chỗ người tu phải nhận ra. Thấy mình phi lý rồi thì đừng gây tạo, đừng sinh hoạt gì trong cái phi lý đó nữa. Mà phải vùng dậy, phải có sức mạnh, phải tin tưởng vào sức mạnh của mình, mạnh dạn đứng lên làm công việc của mình.

Chúng ta nên tâm nguyện điều này: “Mau dừng lại, hãy dừng lại! Tự đảm đang việc của mình, đừng đợi ai, ý lại vào đâu, nương tựa cái gì khác mà tự mình phải nương tựa chính mình, tự mình làm còn đảo cho mình, tự mình hãy sáng lên, đừng nhảy vào cuộc phi lý nữa. Tự mình sống lại với tánh giác của mình”. Tại sao chúng ta phải tâm niệm như vậy? Bởi vì vô minh rất nguy hiểm, nó là mấu chốt của vấn đề luân hồi sinh tử. Nếu chúng ta không dừng lại, không mạnh dạn tiến lên, thì sẽ bị nó dẫn đi trong sanh tử mãi. Hiểu và hành được như vậy mới đúng với chân tinh thần của người tu Phật.

Chúng ta là đệ tử của Phật, chớ không phải đệ tử của ma, nên quyết không để vô minh lôi kéo. Con Phật thì phải có trí tuệ sáng suốt, không được mất bình tĩnh, không được mất mình, đầy đủ tư lương trên đạo lộ về quê nhà. Nhiều vị sợ chỉ ngồi tu, không lo toan cho cuộc sống thì không có cơm ăn, không có cái này cái kia làm sao tu được? Không phải như vậy. Những thứ ấy cũng giúp cho chúng ta, nhưng chỉ là phương tiện, là phần phụ thôi. Người tu còn có cái cao quý hơn nữa, đó là trí tuệ sáng, là công phu thiền định, là sự nghiệp giác ngộ giải thoát. Chúng ta không thể nào tu lơ mơ qua ngày, mà trong từng phút giây phải có sự dứt khoát. Mỗi khắc một thời gian đều quý báu để chúng ta thực sự trở về, sống lại với cái chân thật của mình. Làm sao phát huy và bảo quản được tính giác, tất cả mọi công đức đều phát sinh từ đó.

Tóm lại, người tu phải tự tin tâm mình, phải là người can đảm phi thường, cần cù liên tục, chưa thành Phật thì chưa nói chuyện rồi. Đừng nghĩ một đời này hay hai ba đời gì, người tu không nói kiếp số. Bao giờ quý vị phát tâm như vậy sẽ thấy cuộc đời tu hành của mình phần khởi lạ thường, vì không có gì cản trở mình

được hết. Dù chúng ta gặp những chướng ngại nhưng đã chuẩn bị cho mình một tinh thần như vậy, chắc chắn sẽ vượt qua dễ dàng.

Mục đích rốt ráo của chúng ta là tu hành giác ngộ để được an vui vĩnh viễn, chấm dứt phiền não khổ đau. Đó cũng chính là mùa xuân bất diệt không có thời gian và không gian giới hạn. Ở đó đất tâm luôn trổ những đóa hoa ngát hương thơm của trí tuệ và từ bi. Cho nên để có một mùa xuân miên viễn, xin mời tất cả hãy phá tan cánh cửa nhân ngã thị phi, cầm kiếm trí tuệ xông thẳng vào đất tâm thênh thang.



HOÀI XUÂN

❖ Có những con nước chảy ngược xuôi đôi dòng, ta cứ ngỡ vẫn con nước cũ qua lại ven bờ, nhưng thực ra không có dòng nước nào ra đi mà trở lại bao giờ. Dòng nước luôn mới tinh khôi. Tuổi ấu thơ của chúng ta cũng qua đi và không trở lại. Hoài niệm về quá khứ trong giây phút hiện tại là chuyện đáng ăn đòn mà cũng đáng thương đáng nhớ quá chừng.

Chỉ dận lòng hãy thấp sáng quá khứ trong hiện tại thì quá khứ cũng chính là hiện tại. Quá khứ vừa cũ mèm lại vừa mới trinh nguyên. Thì ra, ta vẫn có thể làm mới lại cả một dòng sinh mệnh của mình. Một dòng sinh mệnh luôn tuôn chảy, cho ta niềm tin và tình thương hôm nay trong từng khoảnh khắc trở mình, cũng là cho người hơi thở phả vào dòng sinh mệnh hôm mai...

Rất mong là như vậy.

❖ Hồi đó, bọn tôi còn là mấy điệu nhỏ ham chơi rong ngoài xóm, bỏ hết chuyện tụng niệm trong chùa. Cứ mỗi lần Thầy đi đâu về là tôi sợ muốn chết. Thầy gọi từng điệu ra trình diện, có khi bị kiểm tra tại chỗ và... bị đòn. Tôi vẫn chưa quên được cái đau thấu trời vì những trận đòn sộp dẻo khi Thầy về chùa, chưa kịp nghỉ ngơi gì cả.

Có lần Thầy đi đám cầu nguyện “về nhà mới” của một Phật tử thân tín. Hai giờ chiều xe đến đón Thầy, tới chiều tối chúng tôi vẫn chưa thấy Thầy về. Bọn điệu ngồi học bài để trả bài cho Thầy vào hôm sau. Đợi mãi không được mấy điệu tôi lăn ra ngủ hết. Tới 10 giờ tối Thầy mới về. Con ky nằm bên tôi sửa quá trời mà tôi vẫn không hay. Sư phụ vô phòng, thấy mấy điệu đang ngủ say. Thầy mở đèn kiểm từng đứa một. Lúc đó tôi mới hay Thầy về, nhưng lỡ bộ tôi nằm im không dám cựa cựa. Bỗng điệu Trí nói cái gì đó, tôi nín cười không được. Thầy nghe tiếng cười liền hỏi “đứa nào?”. Thế là tôi được đưa ra ánh sáng, bị một trận đòn vô lễ, Thầy về đã không ra chào, nằm đó giỡn! Trận đòn đau lắm, thấm thía lạ lùng. Tôi không dám trách ai, chỉ thâm mong sao cho mình mau được thoát khỏi những trận đòn nát da nát thịt này.

Tuổi nhỏ, tôi thường hay buồn lắm. Không ai hiểu mình. Mỗi lần nghĩ về thân phận, về cuộc đời vào một ngày mai. Mình sẽ làm gì, ở đâu ... là tôi khóc.

❖ Bọn tôi bấy giờ chỉ loanh quanh mấy đứa họ Nhật. Tôi Nhật Quang. Còn Nhật Đạo thì nhỏ quá, chú ấy chưa biết lo là gì đâu. Rảnh một chút là chú chạy ra chợ Vườn Chuối chuyện trò với mấy cô Phật tử bán hàng ngoài đó. Chú được mấy cô Phật tử thương lắm. Những lần phạm lỗi bị đánh đòn, là mấy cô vào chùa can xin Thầy tha cho bằng được. Cứ mỗi lần chú bị đòn là náo loạn cả lên. Mấy cô hốt hoảng chạy kiếm người này người kia xin phụ, miễn sao chú khỏi đòn hoặc ngâm lại đó là được rồi. Nhật Đạo thân nhỏ tíu lại ở dơ nhưng cái miệng của chú lợi hại lắm. Chú ăn nói có duyên, cả Thầy cũng phải bật cười khi chú đang ca xin khỏi đòn.

Nhật Trí thì thôi, ông này ngu li bì. Cứ đi đám về là kiếm chỗ chui xuống ngủ cho đã. Sư huynh này lớn hơn tôi nhiều tuổi. Được cái tuy vậy mà Sư huynh tụng kinh rất ăn tiền. Năm đệ Lăng Nghiêm công phu khuya, bao giờ Sư huynh cũng ăn đứt huynh đệ. Bọn tôi mấy đứa sau khi nấu nước châm trà dâng Thầy rồi là cùng nhau tụng Luật trước nhà Tổ, có Thầy chứng minh.

Nhật Tân thì luôn sạch sẽ, áo quần thơm tất. Chú này có chị là thợ may, xuất gia một lượt với chú, pháp danh Nhật Hòa. Chị Nhật Hòa rất khéo tay. Tất cả những đồ xả tang, Phật tử cho đem về là chị sửa thành áo hoặc đồ bộ cho các chú mặc. Hồi này chúng tôi trông cứ như là nhóm võ sĩ đạo, mặc đồ trắng xả tang của người ta mà cũng đẹp ra phết.

Còn chú Nhật Định mà không định gì hết. Thầy nói vậy. Chú chỉ tu một thời gian rồi đi đâu không ai biết. Hình như chú có mẹ ngoài Bắc, nghe nói sau này bà đã dẫn chú về Bắc.

Nhóm chúng tôi rẽ bè khi Thầy chúng tôi là vị Trụ trì chùa Phước Quang gần chợ Vườn Chuối viên tịch. Thầy tịch mới vài tháng thôi là chúng tôi chia tay. Anh em mỗi người mỗi ngả, chưa biết về đâu? Nghe lòng buồn rười rượi. Tôi mừng tượng mình lại bước vào cuộc đi rong mới. Một thoáng băng mình, lữ kiếp trừ trừ, không biết bến đỗ phương trời ?

❖ 16 tuổi. Tôi nhớ năm ấy mình 16 tuổi. Một độ tuổi chưa đủ khôn nhưng đã có thể tự quyết định cho mình những đoạn đường. Tôi nghĩ vậy. Lần đầu tôi đeo đuôi sở nguyện được An cư kiết hạ tại đạo tràng Vạn Đức như một người lớn nhưng hãy còn ử mình trong lớp trẻ con. Nên chỉ khi lên Vạn Đức gặp bà Ba Hộ (người ủng hộ tôi trong giai đoạn này) vừa hỏi đến thì tôi không còn cảm lòng được nữa. Tôi bật khóc, thực sự khóc. Nước mắt của tôi cũng ghê gớm thật. Bà Ba đã quyết định là sẽ xin cho tôi được nhập hạ tại Vạn Đức. Thế là cuối cùng tôi cũng được đi dự hạ ở đạo tràng Vạn Đức. Đây chính là cái cơ để tôi tung bay theo dự định tu học mới của mình sau khi mãn hạ.

Về Vạn Đức, mỗi ngày huynh đệ tôi được học các môn Phật pháp do chính Thầy chúng tôi là Hòa thượng Viện Chủ đạo tràng Vạn Đức sắp xếp và chủ giảng. Bài học khai khóa tại phương trượng của Hòa thượng vào chiều hôm ấy là bài Tán Phật: “Pháp vương vô thượng tôn, Tam giới vô luân thất”. Thầy định ninh giảng giải từng lời, dẫn từng chuyện cổ tích. Trong đó chuyện “Một niệm quy y của ông trời hết phước” làm tôi nhớ mãi không quên.

Có thiên tử nọ do hết phước trời, năm tướng suy hiện ra. Tuy nhiên, ông còn một chút duyên lành với đức Phật, nên trong lúc cúi đầu lễ Phật, bỗng thần thức ông thác sinh vào bụng một con lừa ở lò gốm. Lừa có mang và chạy báng bỏ làm đổ bể các thành phẩm trong lò. Đang cơn tức giận, người chủ lò gốm xách cây rượt đập con lừa, làm cho nó bị sảy thai. Chỉ trong chớp mắt cúi đầu cung kính đánh lễ đức Thế Tôn, tiên nhân thoát kiếp lừa. Bây giờ thần thức ông đầy đủ phước đức trở lại nên bay về thiên giới, thân tướng trang nghiêm rực rỡ hơn trước, tiếp tục vui hưởng phước trời.

Câu chuyện đã cho tôi cái cảm giác con lừa lúc bị đánh, từng đòn cây đập vào thân lừa như đập vào thân tôi. - Giật mình tỉnh giấc, hú hồn qua mơ!

Sau đó chúng tôi được học nhiều bài kinh khác nữa. Hình ảnh pháp hội Linh Sơn trong bản kinh Pháp Hoa Huyền Nghĩa đến bây giờ như còn đó, chưa tan. Chúng hội vây quanh đức Thế Tôn, rành rành màu y vàng của thời thượng pháp. Đức Phật và Thánh chúng của hơn hai nghìn năm về trước được kéo dài tới phút giây hiện tại, đọng lại trong tôi ánh mắt đấng Điều ngự với trái tim tràn ngập vô lượng sinh linh. Thế Tôn đã yêu thương cuộc đời, yêu thương con người và cả những con lừa. Một tình yêu thực sự làm trỗi dậy trong chúng sanh sự hồi sinh, tràn đầy sức sống. Tình yêu chân thực thì lúc nào cũng rạt rào tuôn chảy, không có bến bờ. Như Lai đã cứu chúng con và chúng sanh ra khỏi biển khổ trầm luân bằng chính trái tim không biết ngừng nghĩ của Ngài.

Đại chúng đã được học và phần khởi ghi nhận từng bài học một cách thú vị. Hòa thượng dạy: Là tăng sĩ phải biết “hoằng pháp vi gia vụ, lợi sanh vi bản hoài”. Muốn thế trước hết phải chuyên tâm nhất ý vào việc tu học cho thành tựu. Thầy là một bậc Thầy lớn không chỉ của riêng tôi, mà của cả một thế hệ anh em chúng tôi và còn hơn thế nữa. Thầy là vị Thầy đầu tiên đem ánh sáng Phật pháp đến cho tôi. Từ Thầy, chúng tôi có được niềm an vui trong chánh pháp. Mà niềm an vui trong chánh pháp thì luôn phùng phát lan tỏa trong suốt cuộc đời. Cuộc đời một tăng sĩ.

Những năm tháng được theo Thầy học Phật đối với tôi thật khó phai. Sau này dù ở đâu, giọng nói Thầy, tấm lòng Thầy vẫn còn trầm ám mãi trong tôi.

❖ Hạ qua, Thu đến, Đông sắp tàn. Mùa xuân lại bắt đầu. Mùa xuân của một tăng sinh nghèo dưới quê vừa lên phố, chỉ mơ có được chiếc áo tràng bầy vật đi đường. Khiêm tốn tới tội nghiệp! Từ bé thơ, tuy đã được ở chùa rồi nhưng tôi chưa có cái áo tràng nào coi cho được. Tôi mơ lắm. Sắp đến ngày Tết, tôi ao ước mình có được chiếc áo tràng mới như tất cả huynh đệ. Ngoài ra không có gì trong ý nghĩ ban đầu đơn sơ mộc mạc. Không lời chúc tụng, không thêm thắt chi chi. Cuối cùng mùa xuân năm ấy, tôi cũng được chiếc áo đi đường tám vật thật mới, do cô Diệu Định chủ sạp vải chợ Vườn Chuối ủng hộ. Tôi vui lắm đặt cho nó cái tên “áo mới mùa xuân”. Hồi ấy niềm vui sao mà đơn sơ quá, giản dị quá. Thật hay!

Sau đó tôi lại có dịp cúng dường chiếc áo này cho một người huynh đệ từ miền xa vào, cũng chưa lần nào được áo tết. Nghĩ phận mình thương phận người. Cái thuở tăng sinh nghèo rớt mòng tơi, mà dễ thương dễ nhớ gì đâu. Người huynh đệ tôi mặc chiếc áo tràng mới tám vật có hai cái túi hai bên, thọc tay vào túi đi tới đi lui oai ra phết. Nhìn ngắm mình, nhìn ngắm người mới bật cười cái “ôi khôn khó tuyệt vời” mà thầm cảm ơn cuộc đời. Một chiếc áo có tới hai niềm vui.

❖ Xuân trên núi.

Thời gian qua đi, tôi lưu lạc nhiều chùa, tu học nhiều nơi. Mới biết hai chữ nhân duyên thật nan tư nghĩ. Cuối cùng thì ra tôi theo Thầy về núi - Hòa thượng Chân Không - Trong cuộc đời tu học của mình, tôi hữu duyên được thụ giáo nhiều

Thầy, nhưng có thể nói ân đức và đạo tình sâu nặng nhất đối với tôi là Thầy. Hòa thượng Viện trưởng Chân Không – Thường Chiếu – Trúc Lâm. Những ngày cuối sắp rời Phật Học Viện, Thầy đã nói với tôi: “Sau này, chú theo Thầy tu nghen”. Tôi cúi đầu và không ngờ câu nói ấy đã quyết định cuộc đời còn lại của mình.

Ở núi kết cỏ ở gành non
Mừng được rời thân khỏi lối mòn
Biết đủ là vui niềm an lạc
Thẹn thường quá phận khó chu toàn.

Tôi lớn lên hồi nào không hay. Lớn lên ở non cao. Vui về ẩn thân chốn núi rừng là tránh được chỗ đông đảo nhiều người, xa chốn đô thị. Thật hữu phước biết chừng nào! Mỗi sáng mỗi chiều huynh đệ chúng tôi đều theo chân Thầy lên núi xuống núi. Lượm củi, trồng rau, hái trái, tưới cây... Xong việc, Thầy trò cùng đọc sách, xem kinh, tụng niệm, tọa thiền. Không vui thú lắm sao!

Có những buổi chiều, Thầy dạy tôi dịch kinh rồi đọc lại cho Thầy nghe. Thầy sửa từng chữ từng câu, giảng trạch từng ý từng lời, khiến cho tôi mở sáng đôi mắt tuệ, phát minh được chỗ nhật dụng. Thầy âm thầm căn dặn: “Ai đi đâu thì đi, chú ở lại đây với Thầy. Ngoài 40 tuổi, Thầy mới cho chú xuống núi”.

Không phải tới bây giờ Thầy mới lo cho tôi, mà từ những năm tôi còn theo học ở Học Viện Huệ Nghiêm, Thầy cũng đã lo lắng như vậy. Tôi nhớ, hôm ấy sau giờ thọ trai, Thầy gọi tôi vào thất, dặn: “Kỳ tới học kinh Lăng Nghiêm, mấy chú chuẩn bị kinh trước, để khi học khỏi mất thì giờ viết bài”. Nhưng gần tới ngày học, tôi vẫn chưa tìm được bản kinh. Thầy lại hỏi: “Chú có kinh chưa?” Tôi cúi xuống thưa: “Bạch Thầy con chưa có kinh”. Thầy liền mở tủ lấy bộ kinh còn gói trong giấy đưa cho tôi và nói: “Đây là bộ Lăng Nghiêm Chánh Mạch, bản xưa. Thầy cho chú”. Cầm bản kinh trên tay, lòng tôi chùn xuống, mọi ngôn từ khẹp lại.

Nhật Quang tôi suốt đời không sao nói hết ân đức của Thầy, người đã tái tạo lại sự sống cho tôi. Những mặc cảm dai dẳng, những buồn tủi ấu thời đến đây mới được trút xuống, trả lại cho tôi người con Phật thuần nào. Cho nên một giờ ở núi là một giờ xuân, một ngày ở núi là một ngày xuân, một đời ở núi là một đời xuân.

Ở núi mây trắng phủ hang sâu
Học đạo rõ tâm ấy bước đầu
Lớn ắt buông ra trùm pháp giới
Thu vào chẳng lọt mũi kim đầu.

Rừng núi hang sâu với mây phủ muôn đời vẫn là quê hương của sơn tăng, là hang động của đạo nhân vô tâm. Nhưng đây cũng là một cách nói thôi. Còn có yêu cầu khác cấp thiết hơn nữa của người học đạo là phải “biết tâm”. Tâm ấy “diệu dụng như hăng sa, buông ra trùm khắp pháp giới, thu vào mũi kim không lọt qua”. Thế thì tâm là gì? Phải biết rằng thiên đường địa ngục cũng không ngoài nó mà ra.

Lớn thay! Tinh mật thay!

❖ Về Thường Chiếu.

Vâng lời Thầy dạy, tôi lại xuống núi về Thường Chiếu.

Bây giờ trở lại một gã tăng quê nơi thôn dã. Thường Chiếu khô khan, chai sạn với sỏi đá và nắng gió hanh hao. Quả thật nếu không có mấy năm ở núi, không được Thầy hun đúc nhuệ khí thiền tăng thì không biết chúng tôi có đảm đương nổi việc tu hành của mình tới ngày hôm nay chăng ? Nhờ có Thầy luôn ở bên cạnh khuyến tấn, tiếp sức cho chúng tôi, Thầy cùng khổ cùng vui, cùng đối cùng no với chur tăng, nên rồi tất cả đều có thể vượt qua cái “vạn sự khởi đầu nan”. Đồng sự để lợi sinh là thế nguyện muôn đời của những người con Phật. Giai đoạn này trui luyện tinh thần câu đạo và tiến đạo cho anh em chúng tôi thật hay. Có trải qua thử thách gian nan mới thấy rõ được lòng mình, lòng người.

Với Thanh Quy Bá Trượng, chúng tôi sống theo phương châm “một ngày không làm, một ngày không ăn”. Thầy luôn nhắc nhở huynh đệ chúng tôi phải từng phút từng giây thường soi chiếu lại mình, đừng hoang phí tuổi thanh xuân dong ruổi kiếm tìm nơi đâu. Quay lại và chấn chỉnh niềm kính tin nơi chính mình, súc tích công phu, an nhàn với nội tại. Nếu được qua cái nhìn hồn nhiên trực thì cuộc sống ngay bây giờ là an lạc, giải thoát.

Nắng sớm mưa chiều, ta cứ đứng nhìn cái hiện tiền. Trăng trong gió mát, ta cứ nhậm vận tùy duyên. Không lụy không phiền. Mỗi chúng ta hiện hữu như hư vô và tất cả. Am tranh gộp đá, suối rất nhạc rừng, tô thành một lẽ sống thanh tao tiêu sái. Thiền tăng sống nơi chốn thôn dã, là nơi không bạn bè khách khứa, không ồn ào rộn ràng. Tuy nhiên rất hùng.

Mặc cho vàng quế tròn sang khuyết,

Ném quách cười vang bước rong chơi.

Và như thế, toàn cõi Thường Chiếu hiện bày.

❖ Sau ngày về Thường Chiếu, tôi có đọc được bài thơ của Hòa thượng Phó Viện trưởng Viện Cao đẳng Phật Học Huệ Nghiêm. Bài thơ Thầy viết không biết vào mùa nào, nhưng bất luận là mùa nào, tôi vẫn thấy trong ấy tràn đầy một sắc xuân ấm, một tiết xuân thanh, một cuộc đời phụng sự tăng chúng không biết mệt mỏi của Thầy. Té ra, vẫn có những con người đi trước luôn ngoảnh mặt nhìn lại những con người đi sau. Dấu chân nối tiếp những dấu chân. Bỗng dưng cái xuân sắc của thuở tôi còn là một học tăng tại Phật Học Viện Huệ Nghiêm lại bừng bừng trời dậy.

Kính bạch Thầy, con cung kính cúi đầu xin phép Thầy cho con được viết lại bài thơ của Thầy, thay cho lời xưng tán cúng dường:

Học Viện Huệ Nghiêm

Huệ Nghiêm thể hiện bóng Lăng Già

Thắng cảnh tồn tâm pháp độ tha

Phún thủy ngư long bồi chúng đức

Trùng thần dã hạc dẹp quần ma

Thanh sơn chẳng ngại ngày mưa tuyết

Hải nguyệt đâu gì gió thoảng qua

Tôn trí kim thân An dưỡng địa

Huệ Nghiêm thể hiện bóng Lãng Già.

Trong bức thư viết ở Thường Chiếu, Nhật Quang con đã viết hầu Thầy:

Kính bạch Thầy, ba năm trước nhân chút việc của Thường Chiếu con về hầu thăm Thầy. Bao năm xa Thầy, xa trường, hôm nay được hầu chuyện với Thầy, trong con tự dung cảnh xưa, người xưa chợt hiện về sinh động. Thầy vẫn như thuở nào, luôn luôn hoan hỷ với đàn con, dù đưa con đó đã phong trần, đã xa cách Thầy bạn và mái trường thân kính của nó từ lâu. Qua câu chuyện đạo lý và lời nhắc nhở tu hành của Thầy, con đã trình hỏi một vài điểm trong bài thi Thầy vừa đọc tác, nhân dịp tôn trí kim thân Phật tổ, trong khuôn viên của viện. Thầy đã dạy rằng bài thơ này cụ thể hóa việc Phật sự của thầy ở đây. Đồng thời kích dương chư tôn học sĩ trong viện. Tựu trung chỗ nhắm của Thầy là mong mỗi ở chư tôn học sĩ, vừa mãn chương trình thụ huấn Cao đẳng Phật học của viện, nêu cao ngọn đuốc trí tuệ của thiên nhân và làm tròn sứ mệnh tiền nhân giao phó.

Nhật Quang con cung kính bái phục tinh thần cao cả, trách nhiệm lợi tha của các bậc Thầy đi trước. Các Ngài đã dày công gầy dựng và kiên nhẫn duy trì thế hệ chúng con. Giờ đây đến lúc đàn con phải thể hiện ý chí và nhiệt huyết cho sự nghiệp duy trì hạt giống Phật tương lai.

Con kính mong Thầy tha thứ cho sự mạo muội của con, xin cho con được phép thi họa đôi dòng với khúc độc tác Học Viện Huệ Nghiêm:

Huệ Nghiêm núi báu chất Lãng Già
Báu tự không tâm chẳng tự tha
Khi chúa voi rông đầy trong đó
Thánh tăng Bồ-tát hiện thẳng tòa
Vô sanh đâu ngại ba đường khổ
Giải thoát sá gì sáu nẻo qua
Tự tại thân tâm An dưỡng địa
Huệ Nghiêm núi báu chất Lãng Già

Chỉ là một chút cảm khái chưa thấu đáo, nếu có chi trái phép cúi mong Thầy thương xót chỉ dạy cho.

❖ Đã bao năm tháng tôi cố đi tìm một mùa xuân. Ở đâu? Chưa biết. Cứ đi tìm. Lang thang đó đây xuôi ngược, cuối cùng tôi mới nhận ra :

Tận nhật tầm xuân bất kiến xuân
Mang hài đạp phá lãnh đầu vân
Qui lai khước phá mai hoa hạ
Xuân tại chi đầu dĩ thập phân

Tạm dịch:

Suốt ngày tìm xuân chẳng thấy xuân
Đôi giày đạp nát núi mây ngàn
Về lại ghé qua vườn mai ấy
Xuân ở đâu cảnh đủ mười phân.

Xuân đến thì trăm hoa đua nở, muôn vật tô lục chuốt hồng. Nhưng xuân của thiên tăng thì không như thế. Chẳng ở đâu non chẳng cuối ghênh, chỉ ở trong

tâm. Tâm xuân vượt qua mắt còn, hoàn thành bất diệt, mặc cho trời đất bốn mùa thay đổi, vận thế ngựa nghiêng. Xuân là bất tận mệnh mộng, nên ở chỗ nào mà chẳng có mùa xuân.

Tuy nhiên, phải là kẻ đã buông lại buông mới có thể dự được chút phần. Còn thì, người đầy mộng mơ chưa thể thấy được gì ở nơi đây. Hãy thông thả đi, nhìn dưới gót chân mà đi. Khéo, khéo! Kéo té.

Tôi còn muốn viết thêm nữa, nhưng mà biết làm sao hơn ...

... Túy khách chừ say khước xuân mộng,

Cuồng nhân chừ điên đảo tuyệt vời.

Chao ôi !

